



THẠCH LAM QUA NÉT VẼ NGUYỄN HẢI CHÍ

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN:
VIÊN LINH

60

thứ năm 2-7-70

ĐÌNH HÙNG

gửi hương hồn thạch lam

Nhớ xưa cùng bóng dạ lan hương
Anh với tôi nằm mộng cạnh trường.
Giăng kê bên cửa, hoa kê gối,
Anh truyện sầu, tôi truyện mến thương.

Tôi với anh giở lòng chung mộng chung,
Vi duyên thơ mới có duyên lòng.
Anh buồn tự thừa trăng lên núi,
Ấy độ tôi hoài ước lại mong.

Ai biết lòng anh thương nhớ đâu?
Gần nhau không nói, nói không sâu.
Cầm tay hỏi mộng, buồn như tôi,
Thầm hiểu anh thôi, lặng cúi đầu.

Tôi cảm thương vì hai chúng ta,
Tuổi đang xuân mà bóng sang già.
Đêm nào tôi mộng buồn riêng gối,
Anh đã nằm gục dưới mộ hoa.

Anh lánh mùa xuân, nép cửa sầu,
Đêm nằm ghé gió lạnh cạnh thâu.
Gặp nhau nắm chặt tay lần cuối,
Anh khép hàng mi, chẳng nguyện cầu.

Tôi đến tìm anh vuốt mắt hiền,
Đêm sâu chìm đáy mắt vô biên.
Vọng thanh nghe rộn hồn cô tịch,
Tôi hiểu lòng anh chứa loại nguyên.

Tôi lạc hồn xuân giữa cổ đô,
Hỏi trăng, trăng mọc nước Tây Hồ.
Hỏi hoa, hoa vẫn thôn đào, liễu,
Lòng hỏi riêng lòng: Đâu bạn xưa?

Trăng nước vô tình, gió đầy đưa,
Đường tôi muôn vạn ngã tình cờ.
Chiêm bao phảng phất, tôi thường gặp,
Cặp mắt anh nhìn, như trẻ thơ...

hoài niệm

Chiều mùa đông,
Đốt ngọn lửa hồng,
Ta đọc tập thơ sầu cười với bóng
Khói thuốc xanh bay về hư không.
Trăng lên đầu phố vắng,
Ồ bóng ta say!

Nhớ cổ nhân tình sâu nặng,
Cốc rượu ngọt uống cay nồng.

Bạn là người bạn chung tình,
Đôi hồn lữ thứ
Bốn phương lỡ gót dặm trình.
Trời giăng sao lổ,
Bao mùa thu
Cửa phòng ta để ngõ?
Giấc mộng ta hững hờ?
Bạn với tôi xưa
Đừng bên hồ
Năm chung mộng
Án ai cùng thơ.

Đêm hoa, cảnh nguyệt,
Giò giăng sao động ngoài màn
Bạn hát bài ca phòng đăng,
Cười lên trăng xanh, tôi dạo đàn,
Xuân đến giấc mơ đầy thiếu nữ,

Ta nằm ta ngủ,
Lệ đa tình, chứa chan.
Ôi thời gian! thời gian tình tự!
Mặc nỗi lòng người thơ than.
Mộng cung tần
Xoay nghiêng mắt gối,
Ai cười? Ai nói? Ai xênh ca?
Lênh đênh nước biển trăng nhòa,
Những vì sao lạ đã sa xuống gần.
Trời buồn dằng diệu giai nhân,
Trái đất xoay vần — đừng lãng mà nghe
Rat rào sóng nhạc pha lê,
Đêm tàn, núi đổ, ra đi một mình.
Ra đi! Ra đi! đời ngủ cả!
Vào cuộc luân chuyển án cân
Của các hành tinh!
Ôi những trời sao mùa hạ!

Về đâu! Về đâu! những mảng sao sa?
Về đâu nữa cả bóng hai ta
Lạc vào tục phố,
Nhịp bước giang hồ ca.
Ánh hoa đêm hay tàn đèn rung
Trong những ca lâu đầy huyền ảnh với
đàn bà

Lòng đã đi qua
Bao nhiêu quân trọ là nhà?
Ta biết thương gì quê hương đã mất
Giăng sơn đầy trong buổi chiều tà
Gọi hồn ta về cười ngáy ngất
Rung sắc hồng pha,
Xây đồ kỹ nghệ thuật,
Ôi những phố trường sâu đi mất về đâu!

Ngày tàn, gió thổi,
Vườn cũ hoang liêu, tình cũ hoang liêu,
Bên sông hoa rụng từng chiều,
Lòng anh không nói
Hàng mi sầu đọng bao nhiêu?
Anh nói làm chi! Tôi nhắc làm chi?
Lòng tôi đầy và lòng anh đó
Nghe câu chuyện trường sâu sao chẳng
điên mê?

Nhẹ gót, anh về,
Trúc gầy, liễu đổ.
Ôi câu chuyện huyền vi
Trong lòng năm mộng
Tôi muốn nghe và anh đã nghe!
Ôi những bước u hồn về lạc phố
Tôi sẽ đi và anh đã đi!

THỜI SU nghe thuật

MỘT NGƯỜI THƠ VIẾT TIỂU LUẬN

«Quan niệm về cái chết qua thi ca và triết lý» cái tựa dài sọc này là tựa cuốn tiểu luận của nhà thơ Cao Tiểu, do Khái Trĩ xuất bản. 1 Chân dung của tác giả do Tạ Tỵ vẽ và nhiều phụ bản của Nguyễn Uyên. Sách gồm 11 tiết mục như sau: Chết là gì? Cái chết theo quan niệm tôn giáo. Cái chết theo đạo Trang tử. Cái chết theo quan niệm nhà nho. Cái chết dưới mắt thi sĩ. Con người sống cái chết của mình. Sinh tử luân hồi. Những cái chết khác nhau. Một thức tỉnh triết lý. Con người vừa sát hại nhau vừa cứu mạng nhau. Từ thân bạn thân thiết của con người.

Nghe nói thi sĩ viết tiểu luận chắc một vài người ngỡ ngàng, nhưng khi biết Cao Tiểu là Đại tá Cục trưởng Cục Tâm lý chiến thì chắc sẽ không còn lạ nữa mà càng phải tin tưởng hơn.

MỘT MÙA TỐC MỘ THƠ HUY TƯỜNG

Một tập thơ với tất cả những gì mơ ước, những gì khao khát của tác giả. Xin hãy đọc: «Ngoài những bản thường còn in thêm 9 bản đặc biệt: 1 cho tác giả, 1 chôn cùng mộ Nguyễn nho Bửu, 1 cho gia đình Mai Hạc, 2 cho Nguyễn dũng Chinh và Nguyễn Phú (đã trực tiếp hay lo chạy từng món tiền để tập thơ được hoàn tất như hôm nay) và 4 cho 4 người đã sống gần gũi, giúp đỡ tác giả thật nhiều trong những ngày đầu đứng

curu mang giòng thành mộng, tất cả, với miền im lặng lạnh dềnh đã âm thầm nuôi sống tác giả bằng những bước chập chờn cô độc qua con hẻm 25 TMG về căn gác trọ quanh hiu, cũng như đã khuyến khích bằng những đề nghị, do hoàn toàn trái nghịch nhau nhưng, cả hai, đều mang theo những mặt ý quá thơ mộng và đáng quý. Xin cảm tạ những vết lá me vàng còn rơi giữa mệnh mang.»

Tập thơ cũng có 1 chân dung tác giả do Đinh Cường vẽ. Bìa của Paul Klee, Đinh Cường — Alice Trey vẽ phụ bản. Đọc những dòng trên đây chắc độc giả đủ hiểu được tập thơ thế nào rồi. Xin khỏi giới thiệu thêm.

TẬP THƠ CỦA NHỮNG NGƯỜI LÍNH «KHÔNG GIAN»

Lê trường Đại, một «cây vè» của nhóm Đại Ngã mà «thủ lĩnh» là nhà văn Nguyễn Vũ, vừa cho biết khoảng đầu tháng 7-70, anh và các bạn Ngọc Tỵ, Phan Lạc Giang Đồng sẽ cho ra tập thơ: «Khúc tình môi trên một đoạn ngày tháng». Gần đây nghe nói Lê trường Đại và Phan Lạc Giang Đồng đã chuyển hướng sáng tác thơ của mình về một ý hướng mới. «Khúc tình môi trên 1 đoạn ngày tháng» chắc sẽ chứng minh điều đó. Chờ xem.

5 TIỂU THUYẾT CỦA 5 TÁC GIẢ THÀNH PHIM

Từ đạo những hãng phim V.N. rực rạch mạnh đến nay, nếu để ý và kiểm điểm lại sẽ có thấy tất cả 5 tiểu thuyết của 5 nhà văn đang được «mã» phim. Đó là những cuốn: Chấn Trôi Tím của Văn Quang — Người Đàn Ông Gieo Gió của Nguyễn đạt Thịnh — Như Hạt Mưa Sa của Ngọc Linh — Sau Giờ Giời Nghiêng của Mai Thảo — Loan Mất Nhung của Nguyễn Thụy Long. Chưa kể một số tin loan riêng, chưa xác thực lắm. Nhìn con số chung chung đó cũng thấy xứ này tiểu thuyết bắt đầu có giá. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa thấy một cuốn phim nào của loại trên chiếu trên màn bạc cho bà con người xem một chút. Chừng nào đây?

DIỄN THUYẾT VÀ TRÌNH DIỄN NHẠC

Hai buổi diễn thuyết và 1 buổi trình diễn nhạc như sau:

— Thiếu tá Nguyễn ngọc Hạnh tác giả cuốn «Viện Nam khôi lỗi» thuyết trình về «Quán nhân qua nhiếp ảnh» ngày 22-6, tại thính đường Hội Việt Mỹ, đường Mạc định Chi Saigon.

— Bà Phùng thị Hạnh. Cử nhân báo chí học, Đại học Đường Michigan, Mỹ, thuyết trình về «Phụ nữ với nghề làm báo» tại Biệt thự Hội Việt Mỹ đường Phùng Khắc Khoan Saigon.

— Ca đoàn Saigon cũng tổ chức 1 buổi trình diễn đặc biệt dành cho sinh viên học sinh hồi 19 giờ 30 ngày 23-6 tại thính đường Hội Việt Mỹ đường Mạc định Chi Saigon ngoài ra hồi 20 giờ ngày 26-6, Ca đoàn Saigon cũng trình diễn tại địa điểm trên có thay đổi 1 phần chương trình dự liệu.

CHIẾU BÓNG CA NHẠC CỨU TRỢ VIỆT KIỀU

Đề cứu trợ kiều bào hồi hương từ Cam bốt, sinh viên ba cư xá: Sao Mai, Trần quý Cáp, Phục Hưng tổ chức một buổi chiếu bóng và phụ diễn ca nhạc hồi 9 giờ ngày 27-6 tại rạp Đại Nam, dưới sự chủ tọa của ông Chủ tịch Thượng Nghị Viện VNCH. Chương trình ca nhạc chọn lọc do các nghệ sĩ danh tiếng phụ trách. Phần chiếu bóng là một cuốn phim màu đặc sắc hấp dẫn, sôi động từ đầu đến cuối, lần đầu tiên chiếu tại V.N., đó là phim: Ciel de Plomd.

HÁT CHO ĐỒNG BÀO TÔI NGHE

Hội Sinh viên sáng tác thuộc Tổng hội Sinh viên Saigon vừa cho ấn hành tập nhạc «Hát cho đồng bào tôi nghe». (Chúng ta đã đứng dậy tập I) sẽ phát hành «Chúng ta đã đứng dậy tập II», «Chúng ta đã đứng dậy tập III», «Chúng ta đã đứng dậy tập IV», «Chúng ta đã đứng dậy tập V», nhạc «Đốt sáng đêm tìm lấy hòa bình».

Riêng ở tập I này, gồm nhạc của Tôn thất Lập, Nguyễn văn Sanh Trần long Ân, Miền đức Thắng,

Trương quốc Khánh, Hải Hà, Trần nhật Nam, Nguyễn tuần Kiệt, Lê Nguyễn, Nguyễn xuân Tân, Nguyễn la Nghi, Võ đức Dũng, Vương Luân, Trương quân Vũ, La hữu Vang, Nguyễn Dân...

Tập nhạc chỉ phổ biến trong nội bộ SVHS.

VƯƠNG HỒNG SẼN PHONG LƯU CỬ VÀ MỜI

Gần đây, người ta thấy nhà văn Sơn Nam rất tận tụy đến sửa «mơ rât» tại nhà sách Việt Hương, tưởng anh đang «thai nghén» Văn Minh Miệt Vườn, nhưng khi vỡ lẽ mới biết là anh sửa «mơ rât» cuốn Phong lưu cũ và mới của cụ Vương Hồng Sển. Theo Sơn Nam tiết lộ thì Phong lưu cũ và mới của cụ Vương rất hay, trong đó cụ đề cập đến: thú đá gà, đá thia thia, sự tích chim phượng hoàng, thú đá đê, đời sống ve ve, bọ hun... Sách dày trên 300 trang, do Hiếu Cổ tập san phát hành.

Ái chớ «cái bảo tàng sống» này mà viết về những chuyện trên chắc chắn là ác lăm rồi... Có điều chưa biết giá bao nhiêu để mà chuẩn bị «tủ» trước.

HỘI ĐỒNG VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ HỘI ĐỒNG KINH TẾ XÃ HỘI KHỞI SỰ

SOẠN THẢO NỘI QUY

Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục và Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội trong khóa họp thường lệ đầu tiên khai mạc hôm 25-6 tại phòng họp Quốc tế khách sạn Hoàn Mỹ, đã khởi sự soạn thảo nội quy và bầu văn phòng thường trực.

THƯ TÍN

Vì bốn báo Thư Ký Tòa Soạn phải công tác xa Saigon nửa tháng, thư từ bạn đọc gửi về trong thời gian từ 17-6 tới nay chưa kịp trả lời. Bài trả lời kỳ này đã được viết trước ngày đó, lẽ ra đăng trên KH số trước, đã phải gác lại số này. Số sau KH sẽ dành cả trang báo để trả lời thư quý bạn. Thân ái.
V.L.

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



CÁC MIỀN

HY VÂN
*
PHỤ TRÁCH
HOÀNG NGỌC LIÊN

Tuần này Sinh Hoạt Văn Nghệ Các Miền bản hành giới thiệu với bạn đọc rõ ĐẠI NGHĨA, cơ quan sinh hoạt Văn Nghệ của Tiểu Đoàn 20 Chiến Tranh Chính trị, số 2, phát hành tháng 5 năm 1970.

- 1).— Ban chủ biên
- 1).— Chủ trương biên tập: Thiếu tá Vũ Mạnh Hùng — Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 20/CTCT.
- 2).— Ban biên tập: Vũ văn Long — Hoàng chu Ân — Vũ ngọc Hải — Phạm hữu Văn.

3).— Với sự cộng tác của: Trần văn Kha — Cẩm Huyền — Đinh Lưu — Phạm văn Phúc — V.Q.K — R'Mah Kiel — Trường Sơn — Trần minh Hòa — Nguyễn Nam — Hoàng minh Khánh — Chu Thụy — Kim Tuấn — Nguyễn chí Cát — Hoài Giang.

II.— Hình Thức.
Đại Nghĩa in trên 56 trang giấy trắng tốt, khổ 20 x 25 cm. Bìa 4 màu rất đẹp và trang nhã. Hầu hết các trang báo đều có minh họa và được trình bày sáng sủa.

III.— Nội dung
ĐẠI NGHĨA chia nội dung tờ báo làm 2 phần rất rõ rệt:

Phần tìm hiểu và phần sáng tác văn nghệ. Trong phần tìm hiểu, chúng tôi đọc bài «Chủ Nghĩa Cộng Sản xét lại» của Trần văn Kha một cây bút nghị luận sắc sảo quen tên, đã từng viết nhiều bài giá trị trên các báo. Ngoài ra còn có:

Ngữ vị Việt — Ê đề của Phạm văn Phúc.
Khủng hoảng tại Mã Lai Á của Nguyễn Nam.
Và Ý nghĩa truyền đạt của Nghệ Thuật của V.Q.K.

Trong phần sáng tác văn nghệ, chúng tôi thấy có 3 Truyện ngắn, một phóng sự và 6 bài thơ, chưa kể những trang vui cười và tranh hí họa.

Về truyện ngắn có:
Khoảng ngày tháng đó của Đinh Lưu
Chuyến bay về sáng của Lê Bá Định.
Ngày thứ 8 trong tuần của Kim Tuấn và Nguyễn chí Cát

Về thơ có:

Ly tao, Thoại khúc hôm nay của Cẩm Huyền.
Lời buồn rời của Chu Thụy
Chốn tôi của Lê Đình

Mùa Xuân và Chính Nhân của Hoàng Minh Khánh

và Huyền Thoại Tình Yêu của Trần Minh Hòa

Phóng sự mang tựa đề: «Lên núi thăm làng» của Phạm hữu Văn.

IV.— Sáng tác trích đăng:

CHUYẾN BAY VỀ SÁNG

LÊ BÁ ĐỊNH

Đạn bay đỏ rực đan nhau thành lưới, từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài. Bên trong một nhóm vài mươi người, bên ngoài đầy đặc non ngàn. Tất cả nằm trong vòng đất nhiều kinh rạch phân chiếu ánh sáng hỏa châu, ngồn ngồn như chỉ tay diệt mệnh trong lòng bàn tay to lớn của từ thần! Bạn là cái khung tam giác bơ vơ, dịch là ruộng là bờ, là bụi cây lũng cò. Nhiệm vụ là giải vây, bốn phận là giết chó. Thế là sấm chớp rơi bời, không gian bị xé, đất lở bờ tan.

Tuần phi hành hung tợn, vậy mà uất ức? cảm hờn? Sau nửa giờ dịch rút bạn yên, nhưng tôi bỗng giật mình, Tuần thiếu vắng bên tôi! Tôi bình thần gọi Tuần — Tôi gặt gồng gọi Tuần. Tôi bàng hoàng gọi Tuần — Tôi ghen ngào gọi Tuần — Tôi không thể gọi Tuần nữa, vì xa xa về phía cực

Được biết, lễ trình diện Hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục và Hội Viên Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội với Tổng Thống, đã được tổ chức hồi 17 giờ 30 ngày 24-6-1970 tại Phòng Khách Tiệc Dành Độc Lập với sự hiện diện của Phó Tổng Thống VNCH nhiều Nghị Sĩ, Dân Biểu, Tổng Bộ Trưởng và các viên chức cao cấp trong Chính phủ và ngoại giao đoàn tham dự.



ĐẶNG TRẦN HUÂN

CUỐN SÁCH CỦA ÔNG NGHỊ SĨ

Cổ nhiên là không phải của một nghị sĩ Việt Nam. Vì nghị sĩ và dân biểu Việt Nam vốn không ham viết sách mà ham làm báo. Báo là phương tiện để phục vụ cho những tham vọng chính trị và để làm ra tiền hơn là sách.

Vậy thì tác giả cuốn sách là thượng nghị sĩ Hoa Kỳ William Proxmire. Cuốn sách dày 348 trang, giá bán 6,95 đô la, do nhà Praeger xuất bản có cái nhan đề hơi dài: Report From Wasteland, Amealcas's Military Industrial Complex (Báo cáo về lãnh vực sản xuất quân sự phi nhân nhất, kỹ nghệ sản xuất chiến cụ tại Hoa Kỳ).

Đây là một cuốn sách nhằm kích thích Ngũ Giác Đài, một cơ cấu vốn đã gặp nhiều vụ tang gia bối tử từ mấy năm nay. Nào chiến tranh Việt Nam, vụ tàn sát tại Mỹ Lai, vụ tàu Pueblo bị Bắc Hàn bắt v.v.

Với cuốn sách có cái tên dài nói trên, ông thượng nghị sĩ tiểu bang Wisconsin đột nhiên trở nên nổi tiếng khắp nước Mỹ. Không ngờ ở nghị trường mà nhờ sự tố cáo những hoang phí của Ngũ Giác Đài trong kế hoạch chế tạo chiến cụ.

Tác giả đã kích thích những chiến cụ làm hao tổn ngân sách nước Mỹ như hỏa tiễn liên lục địa, xe tăng và máy bay vận tải khổng lồ CSA Galaxy.

Ông tố cáo nhà chiến tranh mà những nhà thầu vũ khí làm ăn với chính phủ đã trở nên giàu có mau chóng. Chính mười phần trăm những chiến cụ được đặt sản xuất đều có lúc giá cao gấp đôi với giá khi ước lượng giá ban đầu. Tác giả kết luận rằng những chi phí về quân sự tại Hoa Kỳ hiện nay ở bên ngoài sự kiểm soát.

Cuốn sách nhiều đoạn cũng chẳng ích gì cho độc giả Việt Nam vì đây là chuyện cãi nhau của những kẻ dư thừa, dư của. Tuy nhiên nếu có đọc qua thì cũng nhờ đó mà biết được giá của một vài thứ vũ khí để mà sốt ruột.

Chẳng hạn một hỏa tiễn liên lục địa Minuteman tốn kém khoảng 4 tỷ Mỹ kim.

Nghe nói mà thêm.

Giá các nhà thầu Mỹ đừng tính gian tính lặn để Mỹ biểu cho ta một hay hai trái hỏa tiễn ấy để bán lấy tiền xài thì khỏi làm ông dân biểu Phan Huy Đức mất óc nghĩ ra dự luận đồng bạc nặng và cũng khỏi làm các dân biểu khác phải đánh nhau chảy máu tay khi thảo luận dự luận chương trình của Tổng thống.

E.M. FORSTER NĂM XUỐNG

Nhà văn Anh Cát Lợi E.M. Forster năm nay 91 tuổi vừa từ trần.

Tiểu thuyết đầu tiên của ông là cuốn Where Angels Feas to Tread, xuất bản 4 năm sau cái chết của hoàng hậu Victoria. Cuốn A Passage to India (Qua Ấn Độ) là cuốn sách cuối cùng và nổi tiếng nhất của ông được ông bắt đầu viết từ năm 1924.

Trong cuốn sách này ông đã bày tỏ sự bất bình của ông đối với chế độ thuộc địa. Để viết cuốn Qua Ấn Độ, tác giả đã qua Ấn Độ thật sự, đã mặc y phục Ấn Độ và xung phong làm thư ký riêng cho một tiểu vương Ấn Độ trong sáu tháng để quan sát đời sống ông hoàng bà chúa địa phương.

Tuy rằng, E.M. Forster viết rất ít nếu so sánh với những nhà văn Anh khác nhưng các nhà phê bình văn học cho rằng trong nửa thế kỷ qua ông là một nhà văn độc đáo nhất của văn học sử Anh Cát Lợi.

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đăn bà

ĐỒNG CÂN, ĐỒNG LẠNG

— Ê này, theo mày, 1 ki lô bông và 1 ki lô chỉ, cái nào nặng hơn?

— Ki lô chỉ chứ còn gì?

— Sao mày ngược thế? Bàng nhau chứ vì cùng là 1 ki lô cả mà.

— Mày giỡn hoài, vậy mày đứng yên đây tao lên gác và ném lần lượt ki lô bông rồi 1 ki lô chỉ xuống đầu mày để xem mày cho thứ nào nặng hơn.

AI ĐƯỢC NUÔI CON

Hai vợ chồng John ra tòa lý dị. Hai người đều đã có một đứa con trai. Tòa tuyên xử lỗi về phía người chồng. Do đó người vợ được nuôi con và người chồng phải cấp dưỡng hàng tháng.

Ông chánh án hỏi người chồng:

— Anh có điều gì muốn nói nữa không?

— Tôi muốn nói tòa đã bất công khi không cho phép tôi được nuôi con tôi.

— Anh căn cứ vào đâu mà nói như vậy?

Người chồng trả lời:

— Thưa ông chánh án, tôi xin phép hỏi ông chánh án bỏ một đồng hai các vào cái máy bán nước giải khát rồi kéo cần. Một hộp Coca-Cola rơi ra, thì hộp nước đó là của ông chánh án hay vẫn còn là của cái máy.

ÁM HIỆU

Một thiếu phụ già chồng cho bà cô con gái trong một tuần. Hồn lẽ xong bà cặp vợ chồng dẫn nhau đi hưởng tuần trăng mật mỗi cặp mỗi nơi. Bà mẹ căn dặn bà cô gái cho bà biết tin tức ngay sau đêm tân hôn xem cô được chồng chiều chuộng không.

Ở nhà bà hồi hộp chờ đợi. Thi điện tín thứ nhất của cô con gái lớn đã đánh về vốn vẹn có một chữ: «Martin». Người mẹ vội vã ra tiệm cà phê Martin mua một ki. Bà mỉm cười khi nhìn thấy giòng chữ ghi trên bao cà phê: «Cà phê tốt nhất. Đậm đà tới giọt cuối cùng».

Hôm sau bà nhận được điện tín tin của cô con gái thứ hai với chữ: «Pall Mall». Bà vào trong nhà lấy bao thuốc lá của chồng. Khi đọc thấy giòng chữ: «Thuốc lá Mỹ tốt nhất đầu lọc thơm dịu dịu dài» bà lại mỉm cười thỏa mãn.

Hôm sau điện tín của cô gái út về tới. Nội dung điện tín có hai chữ: «Pan American». Bà mẹ bật cười thành tiếng vì bà đã tiu tặc lòng cầu quảng

Khoi Hạnh

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUẦN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN • SỐ 3581TIBC
NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỰ 225 227 • AM NGŨ LÃO SÀI GÒN
ĐT: 25.863

Chủ Nhặt, Chủ Bút

ANH VIỆT

TRẦN VĂN TRỌNG

Phụ Tá Chủ Nhiệm

HY VĂN

Thư ký Tòa soạn

VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LÂN •
ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN
H. THỐNG • DƯƠNG TRỮ LA

VỀ
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH
TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CH

Trình bày bìa và ruột

VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu để tên
Chủ Nhiệm • Bài vở để tên
Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ.
mỗi số • Công số giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho *Khoi Hạnh* xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại •
Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu
không có lời yêu cầu.

của các hãng hàng không P.A.A.: Pan American, hãng hàng không lớn nhất thế giới, bay đi từ phương, mười phút cất cánh một lần.

MÉO MÓ NGHỀ NGHIỆP

Một nhiếp ảnh viên sốt ruột đợi ở phòng khách 1 nhà báo sanh. Vợ anh sắp sanh con đầu lòng. Khi hát được 1 gói rười rượi, người điều dưỡng đi ra gọi:

— Ông?

— Dạ; có tôi, gi thế có?

— Bà sanh con trai, nhưng mà,

— Nhưng sao?

Người điều dưỡng quay vào, bế đứa bé ra khỏi nôi đẻ ra cho bố nó coi rồi nói: «Thằng bé đen quá cỡ».

— Chà sao, chắc đẻ nhiều ánh sáng quá.

SỬA XE

Chiếc xe hơi ngừng bên lề xa lộ. Trời sáng trăng suông, thơ mộng. Người đàn ông thuyết phục người đàn bà đi cùng xe. Cuối cùng hai người chui xuống gầm xe.

Mười lăm phút trôi qua. Một cảnh sát viên đi tới hỏi:

— Ông đang làm gì ở đây thế?

Bị hỏi bất ngờ người chủ xe lúng túng:

— Thưa ông tôi đang sửa xe.

Người cảnh sát cười:

— Ông sửa xe hả. Thế thì tôi cho ông biết ba điều để chứng minh rằng ông nói dối. Thứ nhất khi sửa xe thì thường thường phải nằm ngửa mặt lên xe chứ không nằm xấp xuống đất như ông bây giờ.

Thứ hai khi sửa xe người ta thường kéo cao quần lên chứ không kéo thấp xuống như ông. Và chứng minh sau chốt tôi muốn nói với ông là xe của ông đã bị lấy trộm mất từ lâu rồi.

Nam đất nước một đám lửa khói dợn người, thấp thoáng có đôi cánh gãy chênh vênh! Tôi lượn vòng trên ấy mãi cho đến khi ánh lửa nhoe đi trong ánh sáng chan hòa của buổi sáng mai...Δ

THOẠI KHÚC HỒM NAY

CẨM HUÂN

tôi đứng đây nghe tuổi lên hôn đôi buồn lưu đây thân phận nhỏ cô đơn
dấu san hê in chứng tích linh hồn
ôm thế kỷ khóc ngày mai tìm tới
mang phiên muộn làm hành trang nhan sắc
đi vào đời như sa mạc hư vô
tìm trước sau ai tri kỷ? đâu mà!
bỗng rú mặt ngày tình cầu bằng giá!
tay gãy guộc sương to làm tóc rối
chân đi hoang là bước điệu nhạc cuồng
đêm cô đơn nghe dạ vũ mùa thu
sầu ngửa mặt suy tư bừng tờ giấc
xoay quá khứ ngàn tiếc thương huyền sử
hường tương lai giăng mắc tuyết mùa đông
chừ ở đây hiện tại đứng bơ phờ
nhìn thân thể khô gầy hòa nước mắt Δ

NHÂN TIN

— Anh Trần Kim Định (Kiêm Hạnh, Tây Ninh). Có báo xin gửi về cho anh em.

— Anh Hồ Tân Dân (Kbc. 3043). Đã giới thiệu từ số trước. Mong nhận được thêm.

— Các anh em trong thi văn đoàn DẠ ANH (Tân Châu Châu Đức). Cứ gửi sáng tác về H.N.L.



LƯU Ý BẠN ĐỌC :

Vì tòa soạn ít người, từ nay KH tuyệt đối không trả lại bản thảo, dù có lời yêu cầu của quí bạn. Chúng tôi lo sợ những phiền phức có thể xảy ra, tuy nhiên, bạn nào đã yêu cầu phát hoàn bản thảo trước khi có lời lưu ý này, chúng tôi sẽ cho lần lượt gửi lại.

QUÁN CÀ PHÊ LÂU ĐỜI GIỮA VÙNG THỊ TỬ MỚI QUÀ

GẶP SAUL BELLOW
TẠI CHICAGO
NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 1968

Từ tiểu bang Wisconsin, lúc mùa thu làm vàng cả vùng cây cỏ, với những làm cây màu đỏ ôi, chúng tôi đến phi trường ở Stevens Point để đón máy bay đi Chicago. Phi trường nhỏ bé hơn phi trường Đà Lạt. Một điều khiến tôi nhớ nhất là đi lên cầu ở nơi nào trên trái đất này để mỗi lần thấy nơi nào đẹp là tôi cứ nhớ đến Đà Lạt và muốn đắm đuối về Đà Lạt ngay lập tức. Mấy năm trước đi lên rêu quanh hồ Léman ở Genève, tôi cứ nhớ mãi hồ Xuân Hương ở Đà Lạt và thấy rằng hồ Than Thở thơ mộng gấp trăm lần hơn những hồ nào mà tôi nhìn thấy được ở Thụy Sĩ. Rồi lúc đi phiêu diêu ở Florence ở Ý Đại Lợi, trên vùng đồi Michelangelo, tôi nhớ đến Đà Lạt và muốn bỏ hết để quay đầu về đậu trên một ngọn đồi ở Đà Lạt. Đà Lạt, Đà Lạt. Đà Lạt là định mệnh của tôi. Ngồi tại phi trường Stevens Point để chờ tàu bay chờ đến Chicago, mưa rơi lộp độp trên kính cửa sổ, tôi thấy những ngày tháng của tôi rơi lộp độp trên những thành phố Mỹ Châu. Mỹ Châu hoang vu như nhà mồ, tôi nhớ đã viết một câu thơ như vậy ở đầu đó. Nhưng vùng Tây Bắc của Mỹ châu, vào lúc mùa thu, thì phải nhận "à" quá thơ mộng: mưa phùn, cỏ xanh mượt, cây đổi màu, đỏ vàng cả đồi núi. Máy bay đi mất trên một giờ. Tôi tới Chicago vào 8 giờ tối, ở tại một hotel tên là Windemere (tôi cứ hình dung là giống cái hotel Gloriana ở New York mà Saul Bellow đã dựng ra làm bối cảnh cho quyển tiểu thuyết *Seize the Day*). Tâm trạng tôi lúc ấy giống tâm trạng của Tommy Wilhelm, nhân vật chính của quyển *Seize the Day*, nghĩa là cảm thấy phật phơ, thừa thừa, không ăn khớp với cái gì hay với cái gì (quá đúng cái nghĩa "misfit"). Được một đi thăm viếng những đại học đường Huệ ký, với tư cách là Khoa trưởng Văn khoa Vạn Hạnh, tôi phải đi chung với phái đoàn Khoa trưởng Đại học Saigon, Đà Lạt và Huế. Tôi hoàn toàn cảm thấy không ăn khớp với ai trong phái đoàn ấy cả, chỉ trừ ra những sai biệt ngoại lệ như: tôi mến cái tính lười lười trễ trễ của ông Nguyễn khắc Hoạch, mỗi lần đi đâu thì ông Hoạch vẫn là người đi chậm nhất và thường khi hay pha trò tinh nghịch, rồi người tôi quý mến kế tiếp là ông Lâm ngọc Huỳnh, ông hiền lành như ông thầy tu, đi đâu thì ông Huỳnh vẫn là người đi mau nhất, nhưng người bạn lý tưởng suốt thời gian tôi trở lại Mỹ lần thứ hai này vẫn là ông Trần Quang Diệu, Tổng thư ký Viện đại học Đà Lạt, đi đâu ông Diệu cũng ngậm thơ và tôi quá đôi ngạc nhiên thấy rằng ông thuộc lòng hết mọi thơ Việt tiền chiến, người khả kính và trầm lặng trong phái đoàn là linh mục Lê văn Lý, hiện là Viện trưởng Viện Đại Học Đà Lạt. Đến Chicago được một ngày thì cái việc đầu tiên là tôi tìm xem cái quán cà phê nào gọi là lâu đời nhất ở đó, tôi phải tìm cho ra một xô nào đó để được ngồi yên lặng hàng giờ, tha hồ mơ mộng lung tung, hút thuốc liên miên và ngồi viết liên miên từ trang này đến trang khác trong 5-6 tiếng đồng hồ mà không ai phiền rầy mình và để ý tới mình. Ông Nguyễn khắc Hoạch

thường đùa với tôi: "Đi ở đâu trên cái đất Mỹ này mà muốn tìm ông Phạm công Thiên thì cứ tìm ở mấy quán cà phê". Và ông Hoạch đã giới thiệu cho tôi cái quán cà phê mang tên xưa xưa là "Medici Coffee House" ở đường nào đó gần trường đại học Chicago, mấy năm trước kia ông Hoạch có ghé Chicago và biết quán cà phê ấy, cái quán mà theo ông thì "nó lâu đời nhất ở Chicago này", nhưng bây giờ ông không quên không nhớ rõ nó ở đường nào; ông Hoạch và tôi phải bỏ một buổi chiều mới tìm ra được cái quán cà phê ấy. Buổi chiều ấy, sau khi tìm cách chia tay với mấy ông bạn cùng đi trong phái đoàn, tôi tìm một xô tôi trong quán cà phê Medici Coffee House, gọi một tách cà phê Nga và tiếp tục viết một cái tiểu thuyết trường thiên mà bây giờ tôi đã đốt bỏ. Tôi ngồi và nhớ rằng Saul Bellow có dạy học tại trường đại học Chicago; tôi liền có ý định tìm gặp ông. Ngày hôm sau, tôi ngỏ ý với ông Nguyễn khắc Hoạch và rủ ông Hoạch đi với tôi lại trường tìm gặp Saul Bellow. Trên đường đi, gặp một cô sinh viên Mỹ, tôi đón lại hỏi và cô vui vẻ trả lời, rồi lại dẫn đường cho đến sân trường nơi Saul Bellow đang làm việc. Buổi chiều trời hơi nóng, ông Hoạch và tôi phải một nhọc đi qua mấy hành lang mới tìm ra được văn phòng của Saul Bellow, ở nơi tòa nhà Social Research Building, trên tầng lầu thứ năm. Chúng tôi đột ngột gõ cửa và được gặp ngay Saul Bellow trong phòng làm việc. Một điều hơi vô lễ là chúng tôi không có hẹn trước với Saul Bellow, vì thế đang lúc chúng tôi bước vào phòng thì Saul Bellow đang ngồi tiếp chuyện với mấy vị giáo sư đồng nghiệp. Nét mặt của Saul Bellow có vẻ ngạc nhiên, tôi cũng cảm thấy mình có vẻ sỗ sàng, không hẹn hò gì cả mà lại xúc phạm đến thể giới riêng tư của một nhà văn mà mình từng quý trọng. Tôi liền xin lỗi và giới thiệu ngay để cho trật tự được lập lại tự nhiên:

— Chúng tôi thuộc vào phái đoàn Khoa trưởng Đại học Việt Nam được mời thăm viếng đại học Huệ ký, ông bạn cùng đi với chúng tôi đây là Khoa trưởng Đại học Văn khoa Saigon, còn tôi thì là...

Vừa giới thiệu "xã giao" như trên, tôi đã thấy xấu hổ ngay, vì tôi đã đọc gần hết mấy quyển tiểu thuyết của Saul Bellow và tôi coi ông như là nhà văn vĩ đại nhất của Huệ Ký ở thế hệ này (vì đại hơn cả nhà văn vĩ đại khác tên là Norman Mailer, đồng thời với Saul Bellow) và đứng trước một nhà văn vĩ đại không còn gì là bực cho bằng cái hạng người làm nghề khoa trưởng. Vì thế, tôi liền nói tiếp như để trấn an không khí:

— Tôi cũng là một nhà văn, và ông bạn tôi đây cũng có viết văn. Tôi đã đọc hết những quyển tiểu thuyết quan trọng của ông, như *Henderson the Rain King*, *Herzog* và *Seize the Day* vân vân. Tôi thấy ông là nhà văn xứng đáng nhất hiện nay để lắp vào cái lỗ trống mà Faulkner và Hemingway đã bỏ lại từ lúc họ chết... Tôi kính phục cái nhìn quá tinh táo, quá sáng suốt của ông đối với cái thế giới đảo (Xem tiếp trang 15)

thạch lam (1910 - 1942)

THẠCH LAM tên tục là Sáu, tên cha mẹ khai sinh hồi nhỏ là Nguyễn Tường Vinh, tới năm 15 tuổi khai sinh lại mới đổi tên là Nguyễn Tường Lâm và giữ tên này cho đến khi chết.

Ông sinh ngày 7 tháng 7 năm 1910, tức là ngày 1 tháng 6 âm lịch năm Canh Tuất, tại Thái Hà ấp, Hà Nội, con trai cụ Nguyễn tường Nhu.

Năm ông lên 7 thì thân sinh ông mất. Ông học tại trường sơ học Cẩm Giang tới năm 14 tuổi. Năm 15 tuổi ông đỗ bằng cơ thủy rồi xin tăng 4 tuổi để được học ban thành chung, đỗ bằng Cao đẳng tiểu học năm 16 tuổi (thuở đó, những quy luật về tuổi thi cử và học khóa còn dễ dãi). Đỗ bằng Thành chung rồi ông vào học trường Canh nông, nhưng sau một năm ông xin thôi vào học trường Trung học Albert Sarraut để thi Tú tài. Sau khi đỗ Tú tài phần thứ nhất ông thôi không học trường nữa về học ở nhà với mấy ông anh.

Năm 1931, ông bắt đầu làm báo, viết đều cho những tuần báo *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, *Chủ Nhật*. Ông viết truyện ngắn, truyện dài, luận thuyết văn học, thời đàm. Những bài sau này được nhà xuất bản Đời Nay đem in thành sách, gồm có mấy cuốn: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Ngày mới*, *Theo giòng*, *Sự tức*. Tác phẩm in sau ngày ông mất là cuốn *Hà Nội băm sáu phố phường*.

Ông chết vì bệnh lao ngày 28 tháng 6 năm 1942 tức là ngày 15 tháng Năm âm lịch năm Giáp Ngọ, tại làng Yên phụ, ven Hồ Tây, Hà Nội, hưởng dương 33 tuổi.

Ông thường được coi là nhà văn viết ít nhất trong Tự lực văn đoàn. Sau mười năm làm việc đều đặn, không kể một số bài báo chưa được gộp lại để in thành sách, ông để lại 6 tác phẩm chính sau đây:

- 1— *Gió đầu mùa*, tập truyện, Đời Nay, Hà Nội, 1937.
- 2— *Nắng trong vườn*, tập truyện, Đời Nay, Hà Nội, 1938.
- 3— *Ngày Mới*, truyện dài, Đời Nay, Hà Nội, 1939.
- 4— *Theo giòng*, luận thuyết văn học, Đời Nay, Hà Nội, 1941.
- 5— *Sự tức*, tập truyện, Đời Nay, Hà Nội, 1942.
- 6— *Hà Nội băm sáu phố phường*, tùy bút, Đời Nay, Hà Nội, 1943.

Theo Vũ Ngọc Phan: Ông có một ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh vô cùng, ngòi bút chuyên tả tỷ mỉ những cái rất nhỏ và rất đẹp, những cảm tình, cảm giác con người nảy nở và điều lệ ở đời các hạng người, mà ông tả một cách thật tinh vi. Phải là người giàu tình cảm lắm, mới viết câu này: "Một cơn gió hay một cái nắng cô đơn, đối với chàng đều có ý nghĩa riêng". Những ngày mới, trang 25). Ý nghĩ đầy đủ những ý nghĩ gây nên bởi cảm giác đối với ngoại vật và cảm tình của người ta đối với một hoàn cảnh thích hợp với mình. (Nhà văn hiện đại, trang 1149-50).

Là người giàu tình cảm, ngoài một tâm hồn tế nhị, Thạch Lam còn có óc quan sát rất tinh tường, sâu sắc, và một bút pháp rất tự nhiên, trong sáng.

Đọc văn truyện của Thạch Lam, chúng ta nhận thấy ông có hai khuynh hướng chính: khuynh hướng phân tích tâm lý và khuynh hướng xã hội. Khuynh hướng trên được thể hiện trong những tình cảm sâu kín, vụn vặt nhưng rất chân thành của nhân vật rất quen thuộc và gần gũi với chúng ta. Còn khuynh hướng xã hội nằm trong những rung động khi ông viết về những người nghèo đói, quanh năm lam lũ mới có miếng ăn. (trích báo Văn)



THẠCH LAM cũng thơ mộng như cái tên của ông, một màu âm thầm của đá. Một người thanh niên đáng gầy, tóc bông, mắt sâu, chiều chiều ngồi với con bệnh của mình ở bên khung cửa sổ lặng ngẫm hàng giờ ngoài kia, bên bờ hồ mờ đục trời tháng lạnh và sương mù phủ kín, một cây liễu rũ lá xác xơ, liễu rũ lá rất tiêu điều như những ngày cuối cùng tiêu điều của một người về lại nơi nhà cũ cô đơn. Nơi Thạch Lam mọi sự đều trở nên lặng lẽ, những lá cây chỉ chao động thật nhẹ nhàng, những cơn gió lướt thướt qua mái rạ, những người con gái mảnh mai tựa những chiếc bóng thoáng nhẹ qua một sân chiều ủa nắng mang gàu đi múc nước tưới hoa, tuổi trẻ êm ả như một ngọn gió heo may đầu mùa mới, hương ruộng lúa ngát trong một mặt trời tà và nắng chỉ là sự rặng rờ ừ ừ dưới một lớp mưa hoa, tất cả đến từ lặng lẽ, từng bước chậm một, những phẩm đàn chỉ gợn lên trong gang tấc, âm ba là sự truyền dẫn ràng mình bắt đầu từ nơi đón nhận, ý nghĩa dễ thương như những bọt nước lăn tăn nhẩy múa trên mặt hồ thu, "Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non đối với chàng đều có ý nghĩa riêng" (GĐM, tr.37).



Thạch Lam là nhớ đến cái dư vị ngai ngai không đầy vò nhưng rừ rừ người ta quên lãng từng giọt một đến cùng.

● Tất cả đều có vẻ mong manh vì nó khởi đầu từ một sự mong manh, một cái gì mỏng lung, mờ hoặc, man mác, sự mơ hồ đây về quyền rũ, những mập mờ vô hạn: "Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên"... (ST, tr). Nghệ thuật Thạch Lam khởi đầu từ đó, một nhà văn viết truyện ngắn dễ dàng và sâu sắc, đôi mắt nhìn chừng như luôn luôn đượm một vẻ ái ngại bằng khuân nào đó, một sự mơ màng không mộng ảo thái quá. Và vì thế hình như văn ông cũng tựa như một cái gì sương khói rất dễ vỡ, vỡ mà không gây tiếng động, có lẽ. Nào có ai nghe thấy một tiếng động gì đâu nơi sợi dây trắng vấy máu của chàng Toby yêu dấu (Fellini), chung quy cũng từ nơi một sợi chỉ mảnh rất dễ sợ mà ra hết: sự sinh, sự tử, sự lái xe hơi, sự điên cuồng, sự gào thét, sự đọc thơ Shakespeare mê man, sự ôm quả bóng trắng, sự đắm đuối xuống vực, sự không cứu rồi, sự uống rượu đến đứt ruột, sự hải hùng ánh sáng và cuối cùng, sự đứt đầu gọn gàng.... Khởi từ một đường tơ mỏng manh quấn quai suốt ngang đời sống, khởi từ một bờ vực bên này và một bờ vực bên kia ngợp hơi thở, khởi từ một sợi dây thắt họng nghịch chiều, khởi từ một sợi tóc nhỏ mà thôi, từ đó người ta hé thấy những điều gì đó và vẫn xoay đời mình quanh những điều đó. Cách đau đớn của những nhân vật của Thạch Lam cũng là một cách đau đớn lặng lẽ đầy nhân nhục, trong bóng tối (ở đó là cái

trở lại với một Hà Nội lý tưởng nhất, sống lại trong Hà Nội mưa dầm và áo len màu của con gái đến trường, tìm thấy lại một Hà Nội luôn trong gió: "Buổi sáng hôm nay mùa đông đột nhiên đến; không báo cho biết trước... Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt" (GĐM, tr.127). Có lẽ Thạch Lam là một trong những người đầu tiên đẩy tài ba đã khởi sự một cách có thẩm quyền những huyền thoại lâu dài về một Hà Nội thơ mộng lạnh lẽo đáng yêu trong văn xuôi. Đó cũng là một người đã từng hào hoa phong nhã trong suốt 36 phố phường, một công tử đã biết bao lần bình bao với Hà Thành hoa lệ, đúng điệu là một chàng trai hồ Gươm những năm 39,40 đi trong những thu vàng chơi với ngút lá; thành ra Hà Nội không thể thiếu vắng trong tác phẩm Thạch Lam, cái gì gần gũi và thân thiết nhất với Thạch Lam, với văn chương Thạch Lam vẫn là Hà Nội ngày xưa, một thành phố hình như rộng tràn khắp cả miền Bắc. Cũng như Proust yêu mến vùng Combray, Gide thường xuyên nhắc nhở đến những Provence những Normandie, Mauriac thân tình với xứ sở Bordelais, Valéry ngợi ca quê hương Occitanie hay rõ ràng nhất như một mặt trời Địa Trung Hải chói chang, những cuộc nhảy múa thâu đêm trong trời mùa hạ, những sóng biển nô đùa dưới gót chân bầy thiếu

thạch lam những mùa và vườn hà nội

khung cảnh và không khí gia đình quen thuộc — «vô địch» — của Tự Lực văn đoàn), bầy con của mẹ Lê (GĐM: Nhà mẹ Lê), người lính già yên lặng nằm chờ chết ở ngoài đồng vắng mùa đông không chăn ấm (Người lính cũ), có Dung tự tử nhưng được cứu sống để tiếp tục chịu đau khổ cảnh khổ (Hai lần chết), cảnh sống đầy dọa trong đời sống vợ chồng của Liên (Một đời người), cũng như Tâm một người con gái sống để quên đời con gái (ST: Cô hàng xóm) hay những giọt nước mắt tủi cực nghẹn ngào của những người con gái phần hương (Tối ba mươi)... Trong dòng văn tâm lý về những người nhà quê Việt Nam hồn hậu, ở đây sự đau khổ không tàn phá nhưng sự đau khổ không chịu đựng, đau sao họ cũng đã đau khổ không thua kém, họ đã đau khổ ngang bằng với sự đau khổ. Bởi vì nơi đây đã có người nhìn thấy một sợi tóc theo đôi mắt của mình trong từng mùa mưa, mùa mưa Hà-Nội u rú buồn tênh, có một sợi tóc đã len ra trong kẽ mắt của mùa mưa Hà Nội nhạt nhòa, "Ngoài đường trời hân cơn mưa, mưa buồn rầu và âm thầm trong bóng tối." (ST, tr.26).

Chỉ một sợi tóc thôi, riêng đối với Thạch Lam đó là văn chương, đó là tác phẩm, là sự nghiệp.

KHÔNG khí trong tác phẩm Thạch Lam luôn luôn là một không khí rét mướt, là những ngày âm đạm gió buốt, những cánh đồng cây cỏ xác xơ thú vật lảng tránh và chuông, cần nhà mái tranh đột nát, ở rơm và bấp lữa và u già, những trời trở đông đầm ướt lớp lớp chim non, những mưa phùn tháng chạp, những hơi chớm thu gây gây trên da thịt, những gió heo may và lò sưởi đêm trường, hầu như bao giờ người ta cũng bắt gặp thấy nơi đó một mùa đông triền miên, nói đúng hơn người ta

nữ tiên nga xinh như mộng chỉ nở ra có một lần như một mùa hoa và những cuộc hẹn hò bên bờ tường nghĩa địa cạnh biển đêm miền Bắc Phi nơi Camus («Ở giữa tác phẩm của tôi có một mặt trời triền miên»), có lẽ Thạch Lam là một người mở đường để đưa mùa đông Hà-Nội vào trong văn chương của những người Hà-Nội sau này, một mùa đông tuyệt vời, lạnh lẽo và nên thơ của nhân loại (Những người không biết đến mùa đông như thế này thì không phải là nhân loại?): «Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên...» (ST, tr.48). Hà-Nội đó còn luôn luôn ngọt ngào những hương thơm, hoa và hoa, hoa nở đầm đìa trong tác phẩm Thạch Lam, đủ các loài hoa, hoa nở tươi mát cùng khắp: "...nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào nở ở trước vườn" (ST, tr.24). Hoa thơm ngát trong một đời sống mịn màng của tình yêu thơ ngây, những nàng hết lòng nâng niu hoa như thờ chôn thóc mộng là chứng cho mỗi tình đầu, trong thiên nhiên hoa cũng là một thiên nhiên giữa một thiên nhiên, «Qua vườn, Thanh tiền Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã rụng sương. Mùi hoẵng lan thoang thoảng bay trong gió ngát» (ST, tr.16). Tình yêu ở đây cũng thường nở ra dưới những giàn hoa, cạnh những khóm hoa, tình yêu mang một sắc thái hoa nào đó người và hoa đều tinh tú vô cùng: «Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giát hoẵng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Ngà bảo Thanh:— Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.» (ST, tr.15). Cũng như Đình Hưng, hình như màu người con gái đẹp nhất của Thạch Lam vẫn là những người con gái sống rất gần với hoa, thờ chung hơi thở với hoa, cúi đầu dưới hoa, nghiêng nghiêng mái tóc bên hoa (Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa); gọi đó là những ý lan nương (Ý Lan Xem tiếp trang 10

Ngay đến sự lãng mạn của Thạch Lam cũng không muốn lên tiếng nói đó cho đâu đó là một sự lãng mạn trá ngụy đau lòng, một lãng mạn thẳng hoa trong sự phù du thâm trầm, một lãng mạn khuất bóng đen như người đàn ông đã đam mê nhìn thấy hình ảnh người xưa ở ngoài ánh sáng (NTV: Bóng người xưa). Những truyện ngắn hay nhất của Thạch Lam (2) là những truyện không tiếng vang, văn và nhân vật chỉ âm thầm và âm thầm với nhau, toàn thể đều như mờ khuất, lắng xuống, chìm lặn, tiếng vang âm âm dần trải ra bề mặt, động tác loáng thoáng như những ống tay áo rộng lật phất trong gió, trái tim chần xuống lạ lùng, cái mím môi của những mối tình câm, yêu nhau đến một chừng mực trung bình nào đó là hết, không ai nói không ai nghe nhưng mọi người đều hiểu thấu một điều, đó là dấu hiệu kinh nghiệm cuối cùng của một đời người, những người sống trong một xứ sở bình thần bề ngoài nên say đắm cũng chỉ là một sự cho hết chỉ từng đó: ngôn ngữ và không ngôn ngữ đều dụng nhau trong cùng một giọt lệ giấu giếm; đôi mắt quảng thâm của Lan (ST: Tình Xưa) là trọng lượng âm u của Thạch Lam nơi người đọc. Tác giả không còn gì để phải tỏ bày ngoài một chỗ dùng để kết thúc truyện phải có (một cách bất buộc — và những gì cần thiết dần dần để đưa đến chỗ kết thúc đó), và ngay đến chỗ kết thúc này nó cũng vội vã khước từ cái sự phải nói nhiều: «Chỉ một lát, bên đó Tân để khuất hẳn ven sông. Từ đó, tôi không gặp Lan lần nào nữa.» (ST, tr.67). Nhớ đến



NGUYỄN NHÂN

TỪNG đứng trước cửa sổ nhìn ra cánh đồng, vài đám lúa thân nông xanh ngắt, dãy núi chân ngang, con thiết lộ mắt hút theo tầm mắt, một đám tranh nhỏ phía trên sát chân núi khẽ xạt cào theo làn gió phía trong, tụi nó mới đi kích về ruộng ba lô nằm dưới cãng, có tiếng ca vọng cổ. Anh là Võ Đông Sơ đây có sao lại phụ anh hỡi Bạch thu Hà. Tùng khẽ ớn ngón tay vào bao cát, nhìn về hướng nam như chờ đón một cái gì. Từ ngày ốm thân gối về trần thủ tiền đồn này Tùng cảm thấy như cách biệt hẳn mọi sinh hoạt bên ngoài. Chiếc xe lửa hàng ngày là mối liên lạc duy nhất có thể được. Anh năng bắt đầu gay gắt vào mùa hạ, chưa đúng 8 giờ, mặt trời đã trải dài một vệt vàng trên các cành cây non, sau mùa xuân này lộc. Chiếc trục chẳng bay ngang, tiếng động cơ xè xè phật thấp. Tụi lính đã ngủ buồn tiếng gáy đều. Tùng thấy dễ chịu phần nào những lúc yên lặng kéo về trạng thái quân bình cho đầu óc. Những đêm phải xa đồn hàng 100m. Để đi kích, để nhìn những trái hỏa châu để lại những làn khói đục mờ sau khi tắt ngúm. Tùng thấy mơ về hàng tre làng yêu dấu, lát cuốc, bụi khoai, những đêm trăng rằm mùa mĩa, thành phố ánh đèn, tuổi đời đã trôi theo dòng nước cuốn phốt vào lòng Đại dương. Những buổi chiều ngồi nhìn con nước chảy xiết qua cầu để thấy niềm suy tư chạy dài theo trí nhớ. Tùng chiếc lá trải dài láng mượt của những chùm lúa ướt đầm sương mai Tùng nhớ về những cánh lúa đồng đồng là

ngon, buổi chiều trên bờ cỏ xanh rờn, cánh đồng tro gổ rạ của buổi tan mùa. Điều thuốc chấy lán khô bay vòng cuộn tỏa mờ nhạt vào hơi sương buổi sớm tan biến vào cõi hư không. Tùng nhìn xuống cánh tay gân guốt xạm lại vì nắng cháy mùa hè, giá buốt mưa đông bất chợt Tùng thấy mình già lại. Bao tháng về đây rồi Tùng không còn nhớ rõ, mấy mùa xuân qua đi chỉ còn đọng lại trên da thịt nỗi buồn sâu của tháng ngày nối tiếp. Trời trong vắt không bợn một vẩn mây, cái nắng bắt đầu gay gắt. Con tàu vẫn chưa nghe tiếng máy. Tùng thấy nhớ, không sáng nào Tùng bỏ sót thói quen ấy được. Ở đây lâu thết rồi trở thành con người máy không sai, không kém; ban đêm đi rình mò, giết chóc, sáng về nhìn con tàu, đợi nó như đợi người yêu mỗi khi hò hẹn tuy rằng không bao giờ tình tự, nó đến rồi đi, nó chạy như những trăm ngàn khúc đường rầy khác, dừng dừng không hề hay biết. Nhưng thế mà Tùng lại thích, thích nhìn nó từ xa trường tới, vài cái vẫy tay rồi mất hút xa dần, nó còn là dấu hiệu cho biết an toàn, vắng nó là mỗi lo lắng lớn — một sự bất an. Đôi lúc cũng muốn làm cho nó chú ý như một trái mìn, vài loạt đạn để nó dừng lại. Tùng chợt cười vu vơ với những ý nghĩ ấy. Phía đông con đường chưa trải nhựa đoàn công vơ xoay hút đám bụi ngất ngưỡng lên cao, chiếc L.19 quần lại vài tua rồi bay thẳng, tiếng máy đều đều nào loạn bao trùm. Hút xa trong xóm thia thoáng vài loạt đạn bắn đi như để báo rằng ta còn hiện diện của một toán xây dựng nông thôn đang công tác. Bên kia đèo, đồn Đại hân trú đóng canh nông nhà đạn ỹ âm. Ba chiếc phản lực bay ngang rền vang tại lĩnh thức giếc của mình, buông vài tiếng chửi thề rồi im lặng. Tùng đi mũi giày xuống đất đập tất điều thuốc về những vòng tròn, các hình thù vô nghĩa trống không; đầu óc như không còn một điều gì để nhớ nó chìm lắng, nó chui trốn ở hóc hẻm nào mất hút mù khơi. Càng cố moi ra nó càng quên lãng tự đứng thấy thêm điều Pall mall, ly café đắng. Bên kia cầu chiếc ló cốt phế bỏ, còn đi tích các bao cát mục rã, lừ xừ, hoang phế, manh mún những mảnh đạn M 79 sau đợt tấn công cách đây mấy tháng. Cánh đồng vắng hoe, con đường sắt đơn độc mỗi ngày chờ một chuyến xe trông có vẻ lờ lờ mệt mỏi, buồn phiền như mảnh đất khô cằn đã trên 25 năm chinh chiến. Điều Basto, khóa líp phần nào đang thêm

khát đáng cao. Tiếng hú của con tàu quen thuộc vẫn bật tiếng im hơi. Tùng thấy thích khi tự vì mình là người yêu của nó. Hôm nay nắng trở hện. Tùng mỉm cười một mình. Thăng Khởi ngồi đây ngái ngủ một lúc rồi bước ra.

— Con tàu chưa về Chuẩn úy?

— Chưa, sao mày không ngủ.

— Em thành thói quen mất rồi Chuẩn úy, khi nào con tàu đi qua rồi em mới ngủ được, 6 tháng trời chỉ thấy có một mình hình dáng nó, sao không quen cho được Chuẩn úy.

— Mày có tưởng ngồng nó không hay có, không có cũng được, sao không về thành phố đường lờ lờ hôm.

— Bấy thẳng trần lấy một cây cầu heo hút làm sao về được Chuẩn úy vì vậy phải trông ngóng nó biết đầu chuyển ấy có người thân đến thăm mình, còn nếu như không có nó vẫn là một vật nổi lên giữa hai miền cách biệt ấy chứ.

— Quê ở đâu?

— Xa lắm Chuẩn úy ở tận Khánh hòa, trên Thành đi lên một chút, giam chân ở đây hơn nửa năm trời thấy chán quá, cuộc sống thu hẹp chỉ còn trong bốn bức tường ló cốt, em có làm đơn xin chuyển chuyển rồi song chưa thấy.

— Chắc có vợ rồi?

— Làm gì có Chuẩn úy, lương tháng có hơn ba ngàn mà không đủ ăn, cưới vợ rồi thêm khổ, khổ cho mình không nói, còn khổ luôn cho vợ con nữa. Con Chuẩn úy chưa vợ nhưng chắc cũng có người yêu rồi, như Chuẩn úy bây giờ không muốn chờ muốn là có liền.

— Không dễ như mày tưởng đâu tao muốn có người yêu để mà tâm sự, để khỏi trống vắng những ngày về phép mà đêch có con nào theo, nó chê lính nghèo, lính đa tình, không có ở nhà, đi mãi, thôi thì nó nói đủ điều chán lắm.

Nó chống chế:

— Tại Chuẩn úy không muốn kiếm có chổ từ, à! mà mấy giờ rồi Chuẩn úy.

— 8 giờ rưỡi.

Thăng Khởi đứng nhìn vào nam mơ màng như ngồng về quê hương thuở nhỏ ấp đầy những kỷ niệm thơ ngây. Nét đậm chiều còn đọng đầy trên gương mặt xạm đen vì ngày tháng. Không biết nó có ước muốn gì với chuỗi ngày còn lại trong tương lai. Rãnh rãnh, con nước một đời cần cù trong

CON mưa vẫn đổ xuống ồ ạt, làm tôi không thể đi đâu được. Trên những mái nhà, những giọt mưa xiên ngang, lấp lánh, vui và trông ngon mắt. Tôi thấy cửa sổ nhà Diệp được đóng lại vội vã. Có lẽ Diệp đã đóng hoặc Lê cũng không chừng. Tôi thấy buồn khi nhìn những mái lá đùa với mưa, những mái tôn vẫn ánh theo nắng mặt trời. Bây giờ mặt trời vẫn còn. Mấy cây dừa nhà Lê lay động theo gió, gió quá chừng, gió thổi tóc tôi ướt cùng các giọt mưa. Tôi cảm thấy thích thú lạ khi nước thấm lên mặt mình. Tôi lui vô trong, ngồi trên ghế với lấy cái khăn lau mặt, hít thở lớp không khí lạnh mát của trời đất. Tôi lục lại chồng sách viết bữa bãi. Sách bữa bãi vô trật tự chứng tỏ mình sống bữa bãi. Tôi cảm thấy sống bữa bãi thật thú vị. Với tay lên kệ tủ, lấy hộp diêm và thò tay vào túi áo khoét trên thành ghế lấy bao thuốc lá. Điều thuốc Pall Mall vẫn có mùi vị nhẹ nhàng một niềm hạnh phúc nhỏ bé. Tôi nhìn ra ngoài trời, chán để lên bàn thấy tro tro làm sao đó, tôi lại đặt chân xuống đất. Đứng xa tít có một tháp canh. Một ông lính nào đó đang co ro trong mưa, tháp canh sao quá nhỏ vậy. Tôi chăm chú nhìn mãi mà cũng không làm sao cho rõ mặt ông lính. Tôi thất vọng. Con buồn vô cớ đang đến trên từng mái nhà. Tôi nhớ đến Diệp, Lê trong căn phòng đóng kín cửa. Tôi nhìn đồng thư xếp trên học tủ, thư Diệp và Lê lẫn lộn. Không biết bao nhiêu là thư. Tuy nhà tôi và Lê chỉ cách nhau chừng hai chục thước nhưng tôi vẫn thích viết thư. Tôi vẫn

thích đưa từng lá thư dán phong bì kín cho Diệp và nhờ Diệp trao lại cho Lê. Đôi khi tôi cũng viết cho Diệp. Tôi thấy mình nhiều khi làm cảm và trẻ con hết sức. Mưa to hơn. Gió lồng lộng, khiến tôi tưởng chừng mái tôn sắp sửa bay. Tôi nhìn bức tranh tôi vẽ treo trên tường. Tranh vẽ một người con gái mắt thật to và đen. Vẽ bằng phấn màu. Hộp phấn nhờ Thông mua giùm ở Saigon. Tôi thấy lạnh. Buổi chiều như thế này hết đi chơi đâu được. Buổi chiều buồn thê lương tuy còn sáng rõ. Tôi thấy những bức tranh Van-Gogh vẽ buổi chiều. Sao thê thảm quá, tôi thấy buồn khi nhìn từng lá cây, từng con đường nhỏ, và từng chiếc ghế, từng gốc cây tro trọi. Tôi không biết phải làm gì. Nằm ở nhà đọc chuyện cũng chán. Có lần tôi đã cho rằng hạnh phúc nhất ở trên đời là không phải làm gì cả. Tôi nghĩ lại và thấy nhiều giọt mưa vẫn bắn vào tới chỗ tôi ngồi. Bàn tay được gió ra đón từng giọt mưa. Nhưng đi về vào khoảng xế tối, không biết đi làm ở đâu. Tôi sống ở đây như sống trong một nhà tù. Ít khi tiếp xúc hơi han để biết rõ hơn về những người chung quanh. Tôi nghĩ cũng chẳng ích gì khi biết nhiều về họ. Minh càng ngày càng lười hơn. Những giọt mưa vẫn rơi tới tấp trên mái nhà. Gió lay mấy hàng cây không lá căn nhà bên cạnh. Sao mấy cây trụi hết lá trông đẹp lạ. Thấy nó tro tro về một mình. Bây giờ là hơn năm giờ. Tôi ngồi co mình trên ghế như thế này... suốt đời hay sao. Có những câu hỏi tự hỏi hoài mà vẫn không trả lời được. Đời thật kỳ lạ.

vũ duy dương



NHỮNG Ý NGHĨ NHỎ LÚC CHIỀU XUỐNG

Con người sống thật kỳ quái. Tôi nghĩ mình sống cả một quãng đời dài như vậy không biết làm gì cho hết. Hàng ngày đi làm lúc sớm mai như cái máy thật mệt mỏi và rồi rồi từng lồng xương kiếp làm linh văn phòng thấy chán nản, nhiều lúc tôi muốn đi chỉ được một vài giọt vụn. Mưa vẫn sáng và sạch. Tôi thấy êm đềm trong cơn mưa. Đứng xa đám con nít hò reo la hét chạy nhảy. Ở dưới lầu nhà đối diện, một ông cụ già đương hứng nước mưa cho những chiếc thùng từ một chiếc máng xối. Hết thùng

gầy tre xanh có thể nư kéo nó trở về? Hay con ngựa bất kham vẫn đi về đường cũ buồng lung, với cuộc giằng co phiêu bạt mà một mái ấm gia đình không đủ sức cầm chân. Ánh nắng chiếu ngang tạt vào cửa soi rõ những đồ vật bên trong; sáu, bảy chiếc võng giăng ngang, dưới đất đầy đầy súng đạn bữa bãi. Đoàn công vov vẫn còn tiếp tục, bụi đất bay vãi bám đầy, các đợt lửa giờ đây thành màu nâu xám. Nó vẫn đứng yên bất động, dòng tư tưởng còn chạy dài theo tiềm thức. Cột khói bốc lên do ba chiếc phân lực cơ bản phía nó vẫn đứng vững như con tàu qua chiếc cầu này. Phải chăng nó thường xảy ra cái cảnh này nên nó thành ra quen mắt? Có lẽ là thế. Cái chết vẫn còn làm quen được hướng chỉ cảnh này. Bỗng nó quay lại buồng tiếng thờ dài.

— Em mong cho hòa bình mau về Chuẩn úy, mẹ em không đêm nào là không thấp nhang khấn khứa ơn trên phù hộ cho em mau về. Ba em bị chết sau khi bị chúng bắt đi « cải tạo » hơn 9 tháng trời. Cái gì mình cũng quen được hết chỗ súng đạn lâu rồi. Ớn quá Chuẩn úy ạ. Nếu một mai hòa bình em về làm ruộng nuôi má em và dân em của em, giồng khoai lan trái ngon, đợt bi tưới màu nghĩ tới đó em mơ thấy cả một thiên đường hạnh phúc, khỏi cần đi tìm kiếm mất công, tốn xương máu; không thù hận, không còn chém giết là đáng sống rồi. Em không biết gì về tư bản, về Cộng sản cả, nhưng họ gây ra cuộc chiến làm gì nhỉ, có ai vào đây chết đâu, cũng toàn người Việt với nhau không mà. Sống với họ hơn 9 tháng em thấy khổ quá Chuẩn úy. Ừ! mà Chuẩn úy sống với họ chưa, khổ như con chó không có thiên đường gì cả. Mai kia thanh bình Chuẩn úy về làm gì?

Tôi đó nó dừng lại. Tùng chưa kịp trả lời mắt nó đã long lanh đọng giọt, nét hiền ngang chột tan biến đâu không còn nữa, niềm xúc động đã dâng lên tận cổ. Tiếng gọi thiêng liêng đã gọi nó trở về với giồng sắn, nương khoai, giầy cương vẫn còn ràng buộc được nó, không cho nó buồng trời. Mẹ già đang chờ, em đại đang mong tương lai nó nhỏ bé quá, có ước mơ nào to tát đâu. Ánh nắng vẫn còn chiếu thẳng, chói chang vào phía trong. Tiếng còi tàu vẫn còn xa tít không dấu hiệu gì báo rằng nó sẽ xuất hiện.

— Tnoi, Khôi vào ngủ đi, tôi còn đi kích chắc hôm nay nó gặp trở ngại rồi nên không tới.

Xem tiếp trang 11



trần yên hòa

LỜI XIN

Cho tôi được ngủ nhà đêm nay.
cho tôi ngủ nhà một đêm rồi mai đưa tôi đi
đầu cũng được.
bao nhiêu tháng bao nhiêu năm
tôi sẽ xa thành phố sẽ xa mái tóc em xa những
đứa con yêu dấu
hãy cho tôi ở nhà đêm nay
không còn gì để van xin
sao đây tôi đi quá xa như vậy, quá xa như vậy.
hở chiến tranh loài người?
Cho tôi được bế bé Bảo một lần trong buổi
tôi gia đình
ba sẽ làm ngựa cho con phi nước kiệu
con đâu biết một đời ba làm ngựa
một thời của Việt nam loạn ly
Ba sẽ làm ngựa cho con suốt đời nhưng ba
không là ngựa cho mọi người
tiếng cười các con trong như thủy tinh

ba làm sao quên được.
rồi ngày mai ngày một và những ngày sao đó
ba sẽ ở một tiền đồn xa xôi nào đó
thật ngoài tầm nhìn của con, của mẹ, của
nội ngoại.

con không bao giờ biết
không ai có thể biết được
một đời làm lính thú như ba

Cho tôi ngủ nhà một đêm.
Cể nghe hơi thở của vợ, của con mỗi nước
tiều thương yêu đã từ lâu tới thêm nước

âu yếm nào trên môi
hãy cho tôi lời xin thật nhỏ
một lần tôi thôi
đã từ lâu ba hằng nhớ các con
như đã khóc cho mình <

trần khanh

ĐÊM NĂM NGOÀI TRỜI

ghế bở cứng da bụng đỡ tôi nằm
và đêm sao
sao lóng lánh mắt lệ tôi
khóc ngất một mình
tôi mời rượu sao nằng sao tôi sao bề bạn
uống đi uống đi
cho cạn rạo cuộc tình
hỡi những mảnh đời liên hệ
cảm ơn đêm cảm ơn ngày
còn cho nằm gần gũi
còn cho tôi thấy em đi đứng cười má đũng tiền
còn cho bàn tay vuốt ve
còn cho tháng Long đay học ngày hai buổi
còn cho tháng Chung-ôn làm thơ tình
(những bài thơ gửi về cô xứ Hà Đông)
còn cho tiếng nói hơi thở
cảm ơn cảm ơn
ghế bở cứng da bụng đỡ tôi nằm
và nghe gió ca hát

kể chuyện người chết mắt căng cụt dần
kể chuyện người làm một lạ với anh em
kể chuyện người bị đạn bom sấn đuổi
kể chuyện đời V.O.A. đài Bắc Kinh
đài Sài Gòn đài Hà Nội
và kể chuyện bà mẹ ôm quan tài con run rẩy
chó đẻ đêm chủ đề gây
ngày chiến trận ngày địa huyết
đêm phục kích đêm lựu đạn gai
tao chửi nát mồm

ghế bở cứng da bụng đỡ tôi nằm
và giọt mình
tiếng pháo kích
trả lời những cái chết
có bao nhiêu nhà bị gổ cửa
xét từ khai gia đình bắt thay ma ở lại
có bao người bị rình rập
mỗi đêm
hỡi những viên đạn vô tình
đời mới chết <



no đến thùng kia. Tôi thấy tay ông cụ và quần áo
dầm nước. Tôi nhớ đến người con gái ông cụ vẫn
linh biệt kích để tìm xúc động mạnh. Hoặc đi một
chút linh nào đó thật cực để dầy dạc mình. Bấy lâu
nay tôi thấy ngứa chân, ngứa tay. Thềm dầm đá.
Thềm bộp có sừng cho một xác chết được... sinh
ra. Cuộc đời vẫn vậy thôi sao. Mưa ngớt từ từ rồi
đó. Có tiếng nhạc đầu dây, hình như từ một radio
nhỏ. Tinh ngữ đã quên đi, nhưng tinh vẫn còn đây,
người ngữ đã xa ta... Mấy bài hát của Trịnh Công
Sơn nghe hoài cũng chán. Hồi xưa nghe nhạc của
hắn thấy lạ, riết rồi quen quá, dầm lòn đầu óc. Nhiều
khi tôi vô các quán nước ở thành phố nhỏ này để
thấy nhạc của TCS như một món hàng được người
ta lợi dụng để bán cả phê, cô ca, bia, yaourt, soda
chanh... Đến bây giờ vẫn còn tình trạng như vậy.
Nghe hoài chán thấy mỗ. Mấy cô ca sĩ đó nghĩ thế
nào khi người ta lợi dụng tiếng hát mình để mở quán
bán nước. Điều thuốc dân gần còn độ một phần,
tôi ném qua cửa sổ. Đầu óc cứ nghĩ lan man hoài.
Tôi buồn cười vì thấy thiên hạ cứ lợi dụng nhau
hoài. Có phải sống trên đời là một trò chơi lợi dụng
nhau lớn nhất? Rất may là người ta không lợi dụng
nhạc cổ điển Tây phương để mở quán nước, vì ít
người thường thức được? Tôi vẫn thấy xúc động
tên cùng khi ban đêm một mình với những âm thanh
được phát ra từ một cassette nhỏ. Nhạc cổ điển
đây phương có một cái gì rất kỳ lạ, huyền bí hơn tất
cả mọi huyền bí, nó nuôi dưỡng tôi sống những
ngày còn lại trên đời. Như thể trên trái đất vi vu

này không có nó chắc tôi không thiết sống làm gì.
Tôi ngồi lặng người với những ý nghĩ dồn dập trong
đầu, đầu óc không yên tâm được lúc nào, luôn luôn
xoáy động, rục rở dồn cả vào phát hiện tại. Tôi
châm một điếu thuốc khác, hút rất bình thản, không
ước ao điều gì, không hy vọng điều gì. Thuốc lá
thường xui khiến người ta như vậy. Tôi thấy ngày
tháng cứ lăm lăm chồng chất bên cạnh cuộc đời mình
tuổi mình càng ngày càng tăng một cách không ngờ.
Nhiều lúc tôi có cảm tưởng rằng mình không lớn.
Nhưng soi gương lại thấy mình lớn một cách xấu
xí, hình nhợt, càng lớn mình càng xấu, cần cỗi, già
hơn. Tâm hồn thì ngày đời vẫn vậy. Từng buổi
chiều đếm ủa vàng trên tay.

CHIỀU nay có năm giờ, à quên, có bảy giờ, trong
quán nhỏ, bữa cơm năm mươi đồng, một đĩa thịt
kho, một đĩa dưa leo, một tô canh lạt như nước lã,
anh thường thức một môi đang gặm nhấm trên đôi
mắt mình. Cõi hoang trống, hoang vu ghê rợn của
những ng-ý cứ tiếp diễn hoài hoài như vậy. Anh
nhớ đến em. Định mệnh đưa đẩy ta như xe lăn trên
đường rầy. Anh quay cuồng như từng chiếc lá xoắn
lấy nhau rơi trên không. Trên hành tinh anh làm kẻ
đăng từ nhìn tuổi mình mới hơn hai mươi, bao
nhiều quá khứ lần lượt trôi đi, tương lai mình
chưa đến. Nhiều lần anh thương mình, thương em,
thương yêu tất cả Thương từng viên gạch vỡ, từng
vũng bùn, thương từng nụ cười với tôi mỗi sáng anh
nhìn thấy trong gương, anh nghĩ em cũng vậy, xa

cách với mọi buồn ghê, buồn kinh hồn. Sống hôm nay
là sống từ từ, yếu từ từ, đếm thềm quãng thời gian
già nua trong thân thể. Anh đã già khi còn trẻ, tiếng
hát của ai phát từ cassette nhỏ, Nat King Cole. Hát
cho buồn nỗi buồn của mình trong một trời mưa
tầm tã như trút, mưa đổ xuống suốt buổi chiều này,
phong tỏa không cho anh đến trại hay sao đây, mưa
như chiều qua, mưa như chiều một. Vẫn những
giọt mưa reo vui trên mái tôn. Đường phố ướt.
Anh muốn làm người điên để tự sung sướng với
mình lúc này đây. Nhiều khi anh muốn tưởng tượng
ra một thành phố có xe có ngựa, có gươm đao chém
không có súng đạn, có những kỳ thi Hội thi Đình.
Ach muốn sống hạnh phúc trong thành phố ấy, nhiều
hạnh phúc giản dị đến không ngờ. Rồi em già, rồi em
lấy chồng cũng vậy mà thôi. Tinh yêu nào tình cảm
như sóng dạt dào rồi sẽ hòa lẫn với nỗi quên, quên
hoàn toàn, quên và xa tất cả. Em đến rồi em đi.
Những chiều mưa không dứt, để chân lang thang
dầm lên từng vũng nước nhỏ bé, anh nghĩ càng lớn
lên mình càng phần bội tuổi thơ mình. Càng lớn
càng bị lệ thuộc vào lòng của người lớn càng ra
búa vảy lấy mình. Nhiều khi trong căn phòng lúc một
hai giờ khuya nền chầy chấp chành. Hòa châu và máy
bay một phương, anh thấy chiến tranh vẫn có đó.
Thư từ em gửi cho anh trên đầu ngón tay, anh đọc
tự nhiên mỉm cười. Anh tự hỏi nếu em gặp anh?
Anh nên được thấp lên hôm nay cũng như hôm qua.
Có những đêm đến sáng anh nhìn những ngôi sao nhỏ ở
phương xa. Anh nghe tiếng ếch kêu râm râm và tiếng
chó sủa rừ rạc. Những chuyển trục thẳng đêm vào
chiều đèn rọi sáng cả một Vầng <



XUÂN HỒNG

BẮT đầu cho một mùa đông bao giờ cũng là những sửa soạn và chờ đợi. Trong tế bào giá băng của mùa đông hình như có một cái gì tựa quấy trong đó. Những cơn sâu đất thu mình để bò lan trên đất. Ăn kín trong đất đại những nụ mầm cải xanh sắp mọc, dưới lòng sông tế tái những con nước rạt rào và sâu trong lòng người là một niềm vui náo náo. Vui. Vui như không bao giờ chết, như ngày mai mặt trời còn mọc. Một niềm vui của sự hiện diện tràn đầy ấm áp. Mùa đông với những cơn mưa phủ kín trời đất, tối tăm mặt mũi. Tất cả đều kịt. Một màu đen đặc sệt với hơi nước trong không khí, nặng nề. Mùa đông nhen nhúm những bếp lửa, những trách bập rang nổ thom phực. Mùa đông sáng những ngọn nến suốt ngày đêm trong phòng tối.

Mùa đông của tiếng nhạc ngân ngai. Mấy bà cụ cùng con không dám cho chúng đi học sợ qua cơn gió thổi bay mất đũa con gây mộng mạnh. Đưa bàn tay đặt lên trên bếp lửa, miệng xuyết xoa, người già trẻ con ngồi chờ một mùa xuân. Mùa đông năm đó tôi cũng đã chờ đợi như thế. Mùa mà mặt trời con sông trước cửa nhà. Mùa đàn kèn trời đất như một tấm mùng rủ trên mấy chiếc đèn say ngủ. Và những mái ngói rêu của thành phố cổ kính này. A! Nếu tôi vẽ được tôi sẽ vẽ những khung cửa sổ màu xanh, những mái ngói màu tím thẫm và những vách tường vàng óng. Đây sẽ không phải là những nét không khí đơn điệu, buồn bã như nét vẽ của Buffet. Một nét vẽ khác thế. Một nét vẽ đầy màu sắc. Nhưng màu xanh lục là cây bao giờ cũng là màu chính. Màu xanh là cây giống như hơi thở của đất đai Việt Nam. Đi qua các làng mạc Việt Nam ai cũng thấy tràn đầy trong không gian màu xanh dịu buồn man mác làm nền cho một cuộc sống êm ả. Nếu như đừng có chiến tranh. Thiếu màu xanh ấy là thiếu hết tất cả là mất hết tất cả, nghĩa là bất hạnh, nghĩa là vết ghương trong lòng chảy xém từng khoảng bởi bom đạn và thuốc khai quang, nghĩa là bóc trần thân

thể Việt Nam ra. Tôi chưa nói đến màu xanh của cỏ non xanh tận chân trời của lúa non phơi phới. Ca ngợi màu xanh là ca ngợi mùa xuân vĩnh cửu, ca ngợi mặt ánh mặt trời cho bao nhiêu mùa gặt tâm hồn.

Nhớ lại mùa đông năm đó tôi đã quên hết những ngày mưa gió lẻ thê, những đêm yên lặng với tiếng côn trùng, gần hoa giấy với vài bông màu đỏ vương bên cửa kính khép lại.

Mùa đông ấy là mùa đông của San-Dy. Một mùa đông chờ đợi. Dy từ một phương trời nào đó đến sống ở thành phố này, chịu chung số phận của nó. Nhưng điều ấy có hề gì. Những tình cờ của cuộc đời đã làm nên định mệnh. Tình cờ của gặp gỡ biến thành định mệnh nước mắt, tình cờ của một nụ cười biến thành gần bó yêu thương, tình cờ của một câu chuyện biến thành một chọn lựa đời đời. Tôi biết trong sự gặp gỡ đó đã có cái gì tiền kiếp trong đó. Hình như người ta sinh ra đời để gặp nhau, yêu nhau một thời xa cách. Ý nghĩa của sự gặp gỡ chỉ tỏ rõ trong ly biệt hay nói khác đi ly biệt đã làm cho gặp gỡ trở thành gặp gỡ nghĩa là gặp gỡ để ly biệt.

Về sau khi xa nhau tôi đã chép lại một câu của S. Weil tình cờ đọc thấy đề tặng San-Dy.

«Cố hai hình thái của tình bạn, gặp gỡ và chia xa. Chúng không thể tách rời nhau. Chúng bao hàm cùng một điều thiện, điều thiện duy nhất, ấy là tình bạn. Vì khi hai người không phải là bạn gần nhau thì không có gặp gỡ nên khi xa nhau cũng không có chia ly. Bao hàm cùng một điều thiện cả hai đều đẹp như nhau.»

Mùa đông không phải chỉ ở trên thành phố.

Mùa đông ấy còn đang giá băng cả trong cuốn Bác Sĩ Jivago mà tôi đang đọc. Cuốn sách đầy biểu tượng mà chủ nghĩa duy thực của Nga vốn ghét. Cuốn sách tôi thường rút trong túi áo và vô tình khi chạy loạn hai mươi lăm ngày V.C đánh thành phố tôi đã mang theo. Jivago kẻ hằng sống (le Vivant) tương đương cho giấc mộng cứu chuộc của nước NGA nhưng kết quả của mỗi tình cao thượng giữa ông và Lara là một đứa con gái dở người đứa con của những năm ghê sợ như Blok nói. Jivago là người đã bị lịch sử xô đuổi, xô đuổi từ hướng đời này sang hướng đời khác, những hướng đời khác biệt nhau chống đối nhau nhưng cùng chung một điểm duy nhất, lạnh lùng, tàn nhẫn. Sự lạnh lùng tàn nhẫn của thép lạnh của lịch sử.

Cuộc đời Jivago cũng như bao nhiêu cuộc đời phiêu bạt khác là những cuộc đời đã bị lịch sử làm hồng. Ước mơ tan tác. Dù cho ước mơ đó tầm thường nhất. Một bản viết, ánh đèn sáng suốt đêm và một thép giấy trắng. Và còn gì nữa? Lòng yêu thương vô hạn cuộc đời và con người, con người tàn bạo. Con người không được cả quyền yêu thương. Jivago đã nhận rằng kinh nghiệm lịch sử chỉ làm sáng tỏ lên sự thật duy nhất: người là con chó sói của người.

Trở lại mùa đông năm đó tôi thường đến nhà DY ngày và đêm. Ba cô gái ở trong căn nhà đó. DY, Vinh và Anh. Anh say mê bức tranh vẽ những đám mây của nàng. Cô ta thường nói: «Tôi yêu những đám mây lang thang, những đám mây có nhiều hình tượng khác nhau. Không ở đâu bầu trời có những đám mây đẹp như ở đây». Anh sống bình lặng, hờ hững với những biến cố chính trị chung quanh. Nàng thường tiếp những cô học trò nhỏ, những bà xơ và nghĩ đến ngày sang Ba Lê.

Vinh với cuốn sách về Việt Nam đang viết. Nàng sưu tập hàng đống sách báo tài liệu gửi mua khắp nơi. Tất cả đều được sắp xếp, ghi chép trong sổ ghi chú của nàng. Bất cứ một bản tuyên ngôn, một lời tuyên bố nào mới nhất của các chính trị gia nàng đều có sẵn. Mỗi khi có dịp gặp tôi nàng thường hỏi anh nghĩ thế nào về bản tuyên bố của M.T. Anh có tin rằng việc Mỹ oanh tạc B.V. sẽ đưa đến...? Có lúc tức giận vì những câu hỏi của nàng tôi bảo rằng

nàng: «Cố chỉ thực sự hiểu vấn đề Việt Nam khi dẹp bỏ tất cả những tài liệu đó đi; khi cố đứng quá tin vào những lời nói ở cửa miệng của các chính khách. Họ là những người đóng kịch tài tình đến độ có thể phân biệt một bên là thế giới của những lời hoa mỹ và một bên là thế giới vật chất thực sự của họ».

Nếu bỏ qua những mối bận tâm chính trị của nàng Vinh là một người rất đáng mến. Giọng ca của nàng thật tuyệt diệu. Buồn, thăm u, cao vút như giọng ca của những người da đen hát thánh ca trong nhà thờ. Tôi có cảm tưởng khi nàng hát người ta mới thấy con người đích thực của nàng, chứ không phải những khi nàng bán cái những vấn đề chính trị. Nàng có thể hát dễ dàng, tự nhiên như thở. Những đêm khuya khi nghe nàng hát tôi tưởng như thấy được những sợi tơ từ đất đai làng mạc bay lên cao trên bầu trời mênh mang.

Nhưng San Dy là người đặc biệt nhất. Nàng nổi bật lên trong khung cảnh với vẻ dịu dàng em ái của một con mèo. Nàng đi lại hoạt động lặng lẽ nhưng với một trái tim ấm áp và một trí tuệ nhiệt thành, đam mê. Tôi không nói Dy là người của sách vở nhưng tôi tưởng không có vấn đề gì mà nàng không để ý đến. Bên cạnh những cuốn sách như của A. Huxley, Zen Buddhism, S. Bellow, J. Conrad v.v., tôi còn thấy những cuốn rất lạ như của Maurich Sachs chẳng hạn.

Dy chăm chú lắng nghe cuộc đời và tuy nàng hết sức lặng lẽ thuần hậu với nụ cười tuyệt đẹp tôi tưởng không có gì có thể giấu được nàng. Nàng như biết hết và tha thứ hết.

Những đêm ấm áp đã qua trong căn phòng khách mùa đông năm ấy. Có những đêm giá buốt và yên tĩnh ở ngoài trời tôi nghe được tiếng lanh canh của tấm áo cửa. Một con mèo đen ở đầu nhảy vào nép mình trong lòng nàng. Bàn tay âu yếm vừa vuốt ve nhẹ con mèo nàng vừa lắng nghe. Chúng tôi đã nói với nhau những gì trong bao nhiêu đêm ấy? Bao nhiêu chuyện, bao nhiêu vấn đề, bao nhiêu bàn cãi. Bao nhiêu cuốn sách chúng tôi đã đọc, bao nhiêu ý tưởng tuôn tràn. Chúng tôi hiểu càng ngày con người càng ít hiểu về mình và về xã hội chung quanh. Con người có nhiều kiến thức về xã hội nhưng không đạt được sự quân bình giữa cá nhân và tập thể. Chúng tôi hiểu muốn đạt được sự hòa hợp, cả bài đại đồng phải chống lại những con người mới chiều. Xã hội chúng ta sống không

MƯƠNG MẠN



trăng ở hiền ngoài

tặng N.B.T.

Buồn bắt đầu từ hai vệt mắt
Rời buồn bay lên tới đỉnh cây
Cây trút lá mang buồn xuống thấp
Trở lại người chắt gió heo may
Mùa thu đến em làm sao biết được
Nếu không nghe chim thốt lời mây
Nếu không kết tóc thành giồng bão
Gọi mưa về ủ kín hai vai

2
Khi anh đến em làm sao biết được
Nếu không treo trăng ở hiền ngoài
Nếu cứ để mặc tình cho đêm rụng
Những trái xanh lấp kín công vào

3
Mùa đông đến em làm sao biết được
Nếu không nghe trời trở lạnh trên cao

chấp nhận cái gì là tâm linh, tự do, cá nhân. Nó thủ tiêu chúng trong tất cả mọi trường hợp và rồi cuộc chỉ còn lại những bầy lũ tuân theo một thứ luận lý vô ngã. Những tiếng nói đích thực bị bóp nghẹt. Người ta bỏ tù họ hay biến họ thành những người sống dật dờ. Những người chờ sống chứ không phải sống. Lý luận của xã hội đó là như thế này:

—Được rồi, anh không theo chúng tôi. Chúng tôi chấp nhận như thế. Anh không làm lợi gì cho chúng tôi nhưng anh đừng làm hại chúng tôi, như thế là chúng tôi thành công.

Chữ chúng ta và ý thức tập thể của Durkheim đó là nơi ẩn núp cho bao nhiêu tinh thần vô trách nhiệm. Người ta vung vãi vô tội và khí giới giết người hay có lại như những con ốc trong các building tráng lệ.

nhân danh những người đàn ông trong tù
nhân danh những người đàn bà bị lưu đày
nhân danh tất cả bạn hữu chúng ta
bị hành hạ hay bị tàn sát
để khỏi nhận lấy bóng tối

P.E.

Bóng tối đó được kết dệt bằng màng lưới của lý trí, của xã hội.

Tuổi trẻ của những người bạn tôi đã bị bóp nghẹt dưới sự tàn bạo của nó. Chỉ có những kẻ đồng lõa có thể sống.

« Hôm nay cũng như ngày qua, tuổi trẻ muốn sống cuộc đời riêng của mình không có nơi nào để hướng đến, để quay về, không có đất để sống tuổi trẻ của họ trả phí, rất vẻ trong cái kén của mình, bít kín các lỗ hở rồi tự chôn sống mình. »

H.M.

Tôi chợt nhớ và thương NG. NG. năm đó đã bỏ đi. Không, anh ta bị săn đuổi và phải chạy trốn. Một người như NG. mà cũng bị coi như thú dữ nguy hiểm? NG. vào năm đệ nhất đã thường bỏ trường để ra ngồi mơ màng trước công viên trường Đồng Khánh, lấy croquis những mái tóc thề và những hàng cây trụ lá mùa thu. NG. đã bỏ dở niên khóa vì không muốn người ta nhét vào đầu óc anh những điều dối trá. Đáng thương cho mấy ông hầy của chúng tôi hồi đó. Họ không hề tin vào điều mà mình giảng dạy. Tuy đã bỏ trường nhưng anh thường đạp xe qua nhà tôi chơi rất sớm. Năm giờ sáng anh đã đi lang thang, làm thơ, vẽ. Ngày nay tôi còn giữ được vài bức vẽ bằng phấn tiên của anh.

Cuộc đời thực đáng sống với anh, với những người như anh. NG. không coi trọng cái gì, mặc những chiếc áo rất cũ, ăn bánh mì để qua bữa. Nhưng thời đại đã không tha thứ cho những người như vậy. Những năm biến động đã vô chộp lấy anh. Anh bị tù hai ba lần rồi không còn ai biết tin anh.

Xã hội của thói quen, tục lệ, xã hội nô lệ áp bức này đã không thể chấp nhận những người như anh để cho anh sống. Còn những người khác, những người muốn sáng tạo cách mạng, làm tái sinh đời sống, nhào nặn lại cuộc đời, những người đó có để cho anh sống hay cũng tiêu diệt anh luôn, không phải là tiêu diệt một lý lịch mà là tiêu diệt một linh hồn. Tôi không tin họ để cho anh yên.

« Nhào nặn lại cuộc đời ! Những người nói như thế không bao giờ hiểu một chút gì về đời sống — Họ không bao giờ cảm được hơi thở của nó, tiếng tim đập của nó dù họ đã thấy đã cảm rất nhiều. Họ nhìn đời sống như một mớ nguyên liệu cần họ tác tạo, làm trở nên cao quý. Nhưng đời sống không bao giờ là một chất liệu, một chất để nhào nặn. Nếu anh muốn biết, cuộc đời là một nguyên lý tái tạo, và tính chất thay đổi biến chuyển liên tục của nó luôn luôn vượt xa những lý thuyết nông cạn của tôi về nó. » Pasternak.

Làm sao những người như NG. có thể khép mình vào trong một định thể ?

NG. chỉ là một trong nhiều người bạn khác của tôi cũng có một cuộc đời long đong như vậy. Cuộc đời của D. của Đ. của L. tôi phải viết cả một cuốn sách để nói về họ. Vì nói về D. về Đ. là nói về quá khứ và mối dây vô của lòng tôi, mối thắc mắc của tuổi trẻ tôi. Tôi không thể giải thích cho DY hiểu những thắc mắc ấy trong một vài buổi nói chuyện. Tôi muốn nói cho nàng hiểu thành phố mà nàng vừa mới đến sống đó đã nứt nẻ và chờ vỡ vụn, nó chờ đợi một trời mới đất mới để chôn vùi bao nhiêu giận dữ, ước vọng, tiếc nuối, và xé.... Tôi cũng không thể nói cho nàng biết rằng khi nàng đến sống ở đây thành phố đã mất mát rất nhiều không thể tìm hiểu bản chất thực của thành phố và những gì đã xảy ra dựa theo những người ở lại. Thành phố chờ đợi một cơn động đất. Cơn động đất, cơn lụt sẽ xảy ra trong vài tháng nữa, nhưng lúc ấy không ai ngờ tới. Cả DY cũng tưởng sẽ được hưởng một cái Tết với mùi khói pháo thơm hai bên hè phố, mùi trầm tỏa



NGUYỄN
NGUYỄN
PHƯƠNG

ra từ các cánh cửa nhà thơm ngát không gian và bánh chưng xanh...

Nàng đã mua hai cây nhỏ ươm trong chậu để trước cửa nhà. Thói quen của DY là mỗi năm mùa xuân đến lại mua hai cây còn non xanh để bày nơi hiên. Buổi chiều cuối năm khi tôi đến thăm thấy nàng đang cúi húi tưới nước. Căn nhà hoàn toàn vắng vẻ. Vinh và Anh đã về Saigon ăn Tết. Chị ở về thăm nhà dưới Vy Dạ. DY tự sửa soạn lấy bữa ăn tối. Tôi giúp nàng bày biện bát đĩa. Căn phòng ăn liền với nhà bếp. Chiếc bàn ăn phủ khăn màu trắng. Một vách tường treo một tấm bản đồ thế giới rộng. Vách kia treo chiếc băng đen. Ai đã vẽ lên đó mấy kiểu đàn tỳ bà, đàn nguyệt và mấy chữ cung chúc tân xuân bằng phấn trắng. Nét chữ hân hỉ cứng cỏi vung vẽ.

Tôi đã kể cho DY nghe câu chuyện về một người thanh niên mà mỗi năm cứ vào chiều ba mươi Tết tôi lại thấy anh ta đạp xe đi lang thang dọc theo con đường bờ sông Hương. Tôi chỉ gặp anh ta độc nhất vào chiều ba mươi thôi. Suốt năm tôi không thấy bóng anh ta. Mấy năm liền như vậy. Tôi có cảm tưởng chiều ba mươi Tết đẹp và buồn khiến anh ta lên cơn bệnh và phải lang thang.

Chiều ba mươi đẹp thật. Không gian mơ hồ lãng đãng. Cây cối nhà cửa sông nước và những linh hồn yêu dấu như đang chờ đợi mong ngóng mùa xuân về. Và tiếng pháo đi đùng đùng, tiếng trẻ con reo cười, những chiếc bong bóng bay lên trời những nhánh mai vàng rực.

Chiều 30 chợ hoa ở góc cầu bắt đầu tan. Người ra gánh trở về những chậu hoa còn lại. Hàng quán được gỡ đi, trả lại công viên cho những ghé đã trắng xám ngậm ngùi. Đoàn xiếc quảng cáo thuở dọn dẹp để về.

Đêm đi vào những câu chuyện miên man. Tôi không ngờ đó là đêm cuối cùng chúng tôi cùng nhìn thấy nhau, nói chuyện với nhau, tặng nhau những âu yếm ban đầu.

xem tiếp trang sau

Nếu không nhớ rằng mưa là thảnh
Đã từng dòng rượu mạnh xuống chiêm bao

4
Khi anh đến em làm sao biết được
Nếu không đông hạnh phúc đầy tay
Nếu vô tình và không cảm thấy
Caoi lòng mình có một cơn say

5
Mùa hè đến em làm sao biết được
Nếu không nhìn chim đôi đường bay
Nếu không ngắm cầu vồng năm sắc
Đã chọn màu mây áo tương lai

6
Khi anh đến em làm sao biết được
Nếu không rung chuông báo động thiên đường
Nếu không nhớ đám lửa của que diêm
Thấp mười đầu ngón tay bạch lạp

7
Mùa Xuân đến em làm sao biết được
Nếu không mang mộng cũ ra hong
Nếu không giăng tơ rồi dọc ngang lòng
Đã bước chân âm vang ngàn nốt nhạc

8
Khi anh đến em làm sao biết được
Nếu buồn không lên tới đỉnh cây
Nếu trăng không treo ở hiên ngoài
Khi anh đến em làm sao em biết được ?



HÔNG ĐÌNH HUY QUAN phương hướng

1
khi tôi bắt đầu cuộc trở về
trận bão đang thổi xuyên qua bờ đại dương
đang thổi xuyên qua lòng rét mướt tối tăm
bên cánh cửa mùa đông tôi lồi
tôi đã trở về như lúc ra đi
như con chim bị thương cần né tránh
như con tàu xuyên đêm
và em người thiếu phụ trẻ thơ
ở cuối trận bão giận dữ đang thổi qua
vẫn mỉm cười đợi chờ

2
chỉ còn đêm và cuộc hành trình
của một đời người với định mệnh gắt gao
đã định phương hướng trong trí tưởng tượng
héo mòn
đã vì: chôn mặt trời sau cánh cửa
có phải em là hạnh phúc tận cùng
hay nỗi đau khổ dờ dằng
trong trận bão đang trùng trùng kéo tới

3
tôi trên một lớp tro tàn
trên lớp cát của một ngày biển động
trên đầu hiu của một tâm hồn
đã cuốn đi như sóng nước.

4
em đã nhìn thấy thời tương lai nào
khi mặt trời vô tình không soi sáng
khi đêm là vết chân của ngày
càng những tội lỗi đứn đau thời con gái
và nỗi mong chờ thiếu phụ
đứng sau cánh cửa giá băng
đứng sau biển và cát lăm
ở cuối trận bão sắp tàn

5
chỉ có em và biển
chỉ có trên bão xuyên đại dương và trên đường
tôi trở về
đã xóa sạch mọi dấu vết
và đêm tiếp đêm yên lặng.

SAU biến cố khi tôi đến lại căn nhà đó tất cả chỉ còn là gạch vụn. Hai cây con mà DÝ mua một cây đã chết khô. Trong cảnh tàn phá đó tất cả không khí im lặng đến dễ sợ. Không một bóng người. Người hàng xóm cho biết DÝ đã bị bắt đi vào hôm mùng bốn Tết.

Cây trúc đào nở hoa rực rỡ, đẹp hồng thắm. Lá xanh tràn nhựa non. Thực lạ lùng. Cây trúc đào vẫn còn sống trở bóng mạnh mẽ trong một khu vườn đã bị tàn tác tơi tơi.

Lúc về nhà tôi chỉ biết chép lại một bài thơ của Pasternak để nhớ lại buổi viếng thăm căn nhà bị thương kia, để nhớ đến San DÝ mà tôi tin là can đảm trong và dịu dàng muốn cho của nàng để chịu đựng những thử thách của cuộc đời.

Chàng bước qua thềm nhà
Nhìn nhưng không thấy gì
Sợ ra đi của nàng giống như cơn tàn phá
Đã để lại những dấu vết khắp nơi

Hồn loạn ngơ trĩu khắp các phòng
Chàng không thể xét đoán sự tàn phá
Bởi vì mắt chàng đắm nước mắt
Bởi vì đầu óc chàng đang chaoáng váng

Giống như những cây lau sậy bị đùn xuống
Biến nổi sóng sau cơn bão
Mỗi khuôn dáng của nàng ẩn sâu
Tận đáy hồn chàng.

Trong những năm khổ khăn
Sống là một thảm kịch
Nàng đã đến với chàng
Từ một ngọn sóng của định mệnh.

DÝ đã viết trong cuốn nhật ký của nàng một câu tôi tình cờ đọc thấy một chiều nọ: Lịch sử chỉ là giả tạo. Tôi hiểu nàng muốn nói gì trong câu ấy. Lịch sử chỉ là trò lừa dối và cả những người tự nhận đứng lên làm lịch sử cũng chỉ là những kẻ lừa dối. Nhưng tôi biết lịch sử viết thì giả tạo còn lịch sử sống thì đầm máu. Máu chảy xối xà từ khân thối, máu tuôn ò ạt từ trái tim. máu ứa ra trong giòng lệ, máu khô dính trong vôi gạch, trên lớp tường, máu hòa lẫn với rau bèo, dưới ao trường, máu loang trên nền gạch, máu vọt vào khoảng thông. Nhân danh lịch sử người ta đã khua những cái chông đầy máu. Tiếng chông cõ vồ làm đứt tai, nhức óc, điên đầu. Trong không khí hỗn loạn ấy nói làm gì đến lý luận, thuyết phục. Còn ai nghe? Còn ai tin? Nói làm gì đến lý thuyết, tuyên ngôn cách mạng, liên hiệp hòa bình, chủ nghĩa xã hội, ý thức hệ tự do, tư sản dân quyền v.v...

Trốn tránh tranh anh cõi áo lợi qua hào
Hai chúng mình bơi trong vòng vẫy diết
Ai bảo người tư sản bán cần lao?

D. trong phút xuất thần đã viết mấy câu thơ đầy lệ.

"Tôi khinh bỉ những người bị cưỡng bách bởi lý luận, vì chữ nghĩa dễ biến lý con người chứ không phải để hướng dẫn con người. Chúng ta nghĩ chữ không chứa đựng gì cả... Kể nào giam mình trong luận lý của họ sẽ chạy theo chữ nghĩa của họ và quay tròn như những con ốc. St. E."

Sau khi thành phố chiếm lại được giữa khung cảnh nhốn nháo, đảo bới, trở về nhà cũ, ngồi trong một quán cà phê mới mở cửa lại tôi mừng thầm khi thấy người điên hiền lành nhất thành phố lại sống, làm lúi đi chậm rãi dọc theo đường Trần Hưng Đạo. Tôi cũng không biết rõ lý lịch của anh ta. Hình như anh ta đã du học ngoại quốc về, không thấy làm gì chỉ đi lang thang dọc đường phố. Khuôn mặt anh thông minh, đẹp trai nữa là khác. Tóc rất dài, râu lún phún, thường mặc một chiếc áo sơ mi rất cũ màu vàng ố, quần xanh bạc màu. Mắt thật rộng và đôi giày ba ta to hơn cỡ chân. Thành phố có hai ba người điên khác nhưng anh là người điên lành lẽ nhất. Không bao giờ cười, không

bao giờ nói, mỗi khi kín nghiêm trang, không nhìn ai chỉ âm thầm bước đi lòng bồng. Mới nhìn không ai biết anh điên nếu không vì áo quần quá dơ bẩn, thỉnh thoảng nằm ngủ rất say rất ngon ở bậc thềm trước trụ sở E Việt Nam. Thực lạ và vui khi thấy anh ta còn sống...

Tôi thích những người điên, say, đơn giản, trần trụi, tôi muốn nói trần trụi tâm linh. Chất men của rượu nho bằng bạc trong Kinh Thánh.

"KY-TÔ từ đầu đến cuối cuộc đời giảng đạo của ngài luôn luôn uống rượu giữa những người thân của mình. Người tự sánh mình với gốc nho, nơi trú ngụ biểu tượng của Dionysos theo người Hy Lạp. Việc làm đầu tiên của người là biến nước thành rượu, việc làm sau cùng là biến rượu thành máu của Thiên Chúa."

Nó say rượu năm trần trường giữa tằm lều của mình. Trần trường như Adam và Eve trước khi tị lỗi. Tôi biết tuần phục gây nên trong lòng họ sự xấu hổ về thân xác mình, thêm nữa là sự xấu hổ về linh hồn họ. Tất cả chúng ta dự phần vào tội lỗi của họ, cũng dự chung niềm hối hận của họ, và chúng ta lo giữ chung quanh linh hồn ta bộ áo những tư tưởng xác thịt và xã hội, nếu chúng ta bỏ nó trong giây lát, e chúng ta phải chết vì xấu hổ. Tuy nhiên phải đánh mất bộ áo đó, nếu ta tin Platon vì ông nói rằng tất cả đều bị phản xạ và những quan tòa chết và trần trụi chiêm ngắm những linh hồn chết và trần trụi.

Chỉ có vài người hoàn hảo được chết và trần trụi ở trần gian này, ngay lúc sinh thời của họ. Ấy là thánh François d'Assise, người luôn luôn có tư tưởng quy hướng vào sự trần trụi và nghèo nàn của KYTÔ bị đóng đinh, thánh Jean de la Croix kẻ không muốn gì ở trần gian này ngoài sự trần trụi tâm linh.

Nhưng nếu họ chịu đựng trần trụi chính vì họ say rượu, say rượu chảy ra hàng ngày trên bàn thờ. Rượu này là phương thuốc duy nhất cho sự xấu hổ đã bị chụp lấy Adam và Eve.

"Chạm thấy sự trần trụi của cha mình (Nôê) và đi ra ngoài nói lại cho hai em mình biết, nhưng họ không muốn nhìn thấy. Họ lấy một cái khăn và đi thật lúi đến phủ lên cha họ. CHỜ CHỜ ĐẾN. SW."

Đoạn văn trên giúp tôi hiểu tại sao có nhiều người thích đứng bên tay trái Chúa trong khổ nạn còn hơn ở bên tay phải ngài trong vinh quang tại sao S.W. chọn đứng bên ngoài giáo hội ở bên cạnh với đa số những người trầm luân ngoại đạo khác.

MÙA ĐÔNG năm nay mưa chảy dài trên làng mạc tiêu điều trên những con nước muộn, trên những mái rêu xanh. Bà cụ già nua ngồi chờ một ngày hòa bình chưa đến, những đứa con trai còn phiêu bạt. Tôi sẽ chờ mùa xuân đến hay tôi sẽ đến với mùa xuân?

Xuân Hồng. Màu hồng của má những cô gái, những đứa trẻ con, màu hồng của giấy hồng đơn viết câu đối Tết. Màu hồng của những ngọn sáo đỏ trên bàn tay trẻ em lơ lửng, màu hồng của những chiếc bong bóng đỏ, của xác pháo tơi tã trên thềm nhà trong sân.

Xuân hồng lên với quả tim đập mạnh với hơi thở rộn ràng Xuân hồng lên với những ước mơ, những lời chúc tụng. Hỡi xuân hồng ta muốn cần vào người. Tôi mong cho mọi người quên được tất cả, mất trí nhớ để tìm được một kỷ niệm mới về cuộc đời. Máu phải chảy mạnh hơn nữa, tươi thắm hơn nữa, sôi nổi hơn nữa để làm mới lại những tình yêu.

Tôi mong cho mọi người uống hết tất cả ly rượu người ta đưa đến mỗi mình: ly rượu mừng, ly rượu ly biệt, ly rượu tị nạn, ly rượu đắng cay, ly rượu nồng, ly rượu ngọt v.v... Uống cho hết và

Ngày mai rượu lại nghiêng hồ rượu
Vết chất hương còn ép sát môi.

Đ. L. Nhặt.

Rượu đã hết. Đêm đã tàn, nửa đã lặn. Tôi ngồi chờ một mùa xuân. Δ

thạch lam

TIẾP THEO TRANG 5

Hồng Hậu). Giữa lòng Hà Nội, Thạch Lam vẫn là một người mãi mê đi tìm những khu vườn, một người tìm hết cách để đi tới với những hương thơm, nơi chốn có đầy đủ hết những mộng ban sơ. Có phải vì đời là một cuộc không bao giờ ngừng và sống là nở hoa bất tận? Những vườn Hà Nội cũng như hàng triệu khu vườn trên trần gian này đều là những nơi để dành chung cho tất cả mọi người, tuổi người đều có dịp bước chân vào đó một lần trong đời, có người bước vào đó một mình, có người đến với người yêu, có người quay trở ra với vàng, có người tiếc nuối không muốn rời chân cũng có người an tâm ở lại nơi đó vĩnh viễn suốt đời. Thạch Lam có nói đến những khuất khúc ẩn dấu trong những khu vườn, đó là những khuất khúc nào ai biết được? Phải chăng trong những khuất khúc nơi một người đàn ông có một người đàn bà và trong những khuất khúc nơi một người đàn bà có một người đàn ông và những khuất khúc bí mật nào trong những khu vườn giúp người ta gặp gỡ nhau để tạm quên đi trong giây lát những khuất khúc của riêng từng người? "Có những người cái khuất khúc dành cho ta nhiều cái bất ngờ, không, có một cây hoa nhỏ sau bức tường thấp, khiến chúng ta đoán được có một thửa vườn nhỏ bên trong, ở đây biết đâu lại không thốt ra một vài thiếu nữ khuê các như xưa" (HN, tr. 31). Ở trung tâm tác phẩm Thạch Lam có một thứ trực giác về mùi hương (Khải Hưng gọi ông là một thi sĩ về khoa thẩm mỹ), tâm hồn nhà văn luôn luôn khoan tìm cách thu xếp mình nằm gọn giữa lòng tạo vật triu mến (Tôi đang sống giữa một mùa xuân luôn luôn mới, nào đây?) và vẫn chương Thạch Lam còn là một câu hỏi không phải để đặt ra với người đọc nhưng là để ném hồng vào giữa khoảng không, thân mật đắm đắm đang về cùng với thời tiết quê nhà (nhà người có người thấy gì không?): "Các bạn có nghĩ thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm triu thân lúa còn tươi, nghĩ thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không?" (HN, tr. 86)

Độc Thạch Lam cũng là lắng nghe những vườn kêu gọi chúng ta không ngừng.

"BA LÊ ăn dấm, Ba Lê chuyển động khắp nơi và biến hóa thành hình vạn trạng, thành phố đầy quyền uy hình thành bằng đất và sức sống hiện hiện từ muôn ngàn âm thanh nhỏ to ào động, thành phố đó giờ đây lại muốn xâm lấn, tràn vào tư tưởng tôi."

Thế là một ước vọng phi lý này sinh ra trong tôi và cũng chính nó làm tôi thất vọng: suy tưởng về Ba Lê. (3)

Thạch Lam không suy tưởng về Hà Nội, ông chỉ mô tả Hà Nội, mơ mộng trong một Hà-Nội ở gần quê, lang thang trong Hà-Nội chảy tràn trong máu huyết mình, ông chỉ bày tỏ cảm tưởng về một thành phố yêu dấu và cất tiếng mời gọi những người khác cùng đến đó để hết lòng yêu mến Hà-Nội với ông. Thạch Lam không muốn làm một triết gia về thành phố (một triết gia thành phố kiểu "áo ảnh Thanh Thủy") ông chỉ muốn làm một nghệ sĩ (sống, nhìn, thở, ăn, chơi, yêu đương và viết) đi trong Hà-Nội và tìm kiếm Hà-Nội khắp nơi, hơn một lần nữa nhà văn nói lên khát vọng muốn đời của mình đủ được ngay trong hay không cần phải ngay trong: tìm kiếm cái Đẹp và chiêm ngưỡng nó: "Chúng ta cũng có Hà-Nội. Một thành phố rất nhiều vẻ đẹp, vì Hà-Nội đẹp thật (chúng ta chỉ còn tìm những vẻ đẹp ấy ra) và cũng chính vì chúng ta yêu mến. Yêu mến Hà-Nội với tâm hồn người Hà-Nội" (HN, tr. 19). Vì sao một thành phố được gọi là đẹp? Bởi một lý do hết sức giản dị: đó là quê hương, những gì thực sự là

quê hương, trải tìm nở ra ở đó, trải tìm đặt trọn ở đó và trải tìm chôn ở đó (mọi người đều có thể có nhiều cách khác nhau rất tuyệt vời để LÀM về quê hương yêu dấu của họ).

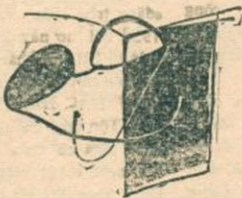
« Suy tưởng Ba Lê ?... Khi nghĩ đến điều này, tôi lạc đường về tận » (P. Valéry, Sdd, tr.156). Thạch Lam cũng lạc đường trong Hà Nội nhưng là một cách lạc đường thơ mộng, lạc đường trên cùng những con đường sản xuất lên đó, lạc đường trong chính thành phố mình ở, nơi kinh lý xưa mà ông đã tự nguyện « thân mật với những thú vui chơi hay những cảnh làm thơ, với những người Hà Nội cũng như ta ». Như một nhân vật của Thomas Wolfe hàng đêm ôm một tấm bản đồ lên từng chuyến xe bus đi rong khắp các con đường trong thành phố của y, đi suốt đêm từ chuyến xe khác loanh quanh khắp những hàng cùng ngõ hẻm, đến những nơi đi biết lần những chốn xa lạ, đi như buồng thả mình mặc cho những đại lộ công viên và hè ngửi ngửi nuốt trửng mình, đi lang bang không nhắm mắt không mỗi một, một mình trên chỗ ngồi trống vắng tanh lặng lẽ nhìn những hàng cột điện trơ vơ, bày chuốt cống bờ lan ra vệ đường, những thùng rác nằm lẫn lộn nơi hè phố, những cửa hàng đóng cửa giờ màu sắt rỉ, những bóng đèn lu lù bên cạnh người phu quét đường và tiếng chuông nhà thờ bình thường và cũng rất không bình thường và bầu trời đen ở trên đầu building. Tại sao ? Bởi vì trên bản đồ thành phố có những nơi mang những cái tên nghe hay hay, với thích những cái tên như vậy, nên tôi nhất định phải tìm đến những chỗ đó nhìn qua cho biết một lần...

(Làm sao đi cho hết những cái tên trên bản đồ, những cái tên có một khả năng siêu hình điển điển này ?). Và khi rặng đông, kẻ lữ hành có độc này rầu rĩ bước xuống chuyến xe bus cuối cùng của một ngày (đối với y, thế giới nhân sinh con người giáo đường luật pháp nhà mồ chiến tranh vũ trụ phiêu gian tai ương trời đất hòa bình động đất hay Thương Đế hay một ngày đến đó là hết), y thất thểu trở về nhà và lần nào cũng vậy hãy nghe y nói về nỗi đam mê thơ mộng kỳ quặc của mình : « Ở ! không có một người nào có thể biết hết trọn vẹn thành phố Brooklyn này vì người ta phải bỏ hết cả một đời người mới mong có thể đi hết tất cả những con đường quanh co của Brooklyn ! (From Death to Morning : Only the Dead Know Brooklyn).

Nói về sự mê hoặc của một thành phố, thành phố càng trở nên mê hoặc một cách quái đản và đau lòng hơn nữa khi chính nó vắng mặt, quê hương càng đẹp một cách thể thiết hơn lúc quê hương bị bỏ lại đằng sau, một vẻ đẹp làm đau tâm sự, đó là giờ phút của ly tính và khởi đầu lòng chiêm niệm sâu sắc, từng ngày một. Một thành phố chỉ đẹp vì mỗi nơi là một chỗ lý tưởng để người ta sống hết một tuổi nào đó, đẹp ở đó một phần đời đáng nhớ, đem cất kín ở đó một chút dĩ vãng làm bảo vật quý — rồi trong người đi quê hương càng tràn lan mãnh liệt hơn bao giờ hết, người sáng một vẻ bị thấm, hiện diện như một vết thương truyền độc vì hy vọng tàn phai từ từ. Trường hợp những người đã đành đoạn bước phải rời bỏ Hà Nội ra đi từ lâu (ra đi với một khẩu hiệu quyết liệt buộc phải tự dần về tâm can mình tan nát, là thất thanh : No matter... I am going, I AM GOING — Ellis Kazan ! America ! America !). Vì thế, Hà Nội trở thành một môi âm ảnh thường trực trong văn chương ở đây : Hà Nội như một ý thức mất đất, một cuộc tình đứt áo ra đi, như một tấm lòng nhớ quê với vợ, một hoài tưởng ở chỗ hằng nuôi dưỡng sự đau đớn trường thành — những đoạn văn, những bài thơ hay nhất của những người đã bỏ đất Bắc ra đi ngày trước bây giờ đã trường thành đã già đi chết, đó là một đặc điểm nổi bật nhất phải ghi nhận trong nền văn chương miền Nam hiện đại. Và có thể nói trên khía cạnh này Thạch Lam, nhà văn tiền chiến đã từng đi tìm cái quán rượu nơi để kinh ngày xưa Nguyễn Du và bạn bè vào đó say sưa, người đã dò hỏi về một Thăng Long ngày nào của vua Lê

chúa Trịnh cũng như đã hết lời ca tụng cổ hăng nước duyên dáng ở trước cửa chợ Đồng Xuân (xem HN.), Thạch Lam đã để lại một ảnh hưởng quan trọng — về Hà Nội, một trong những quê hương lý tưởng của nghệ thuật chúng ta. (Và cũng như Hà Nội, còn có cái thành phố nào mà đôi người đã ngậm ngùi nói rằng đó là nơi đi để mà nhớ chứ không phải chỗ ở để mà thương ? Có lẽ nơi đó cũng hay có mùa đông, những mùa mưa trên cây sâu đông rủ rựi ?)

Rất cùng, những sản phẩm kết tinh nhất, những đứa con hoang đàng nhất, những công dân lưu đày nhất của một thành phố có hồn lại chính là những thằng cô hồn nhất đời.



TÔI luôn luôn gắng chịu đựng cơn rét mùa đông vì tôi biết rằng trong một đêm, một đêm duy nhất lạnh giá và thuần khiết tháng hai, những cây bạch trong chung lưng Consuls sẽ đem đầy bóng trắng... Trong mùa đông bằng giá của thế giới, chính nguồn cơn kia sẽ soạn sửa cho trái cây ngọt về sau... (4)

Đó cũng là mùa đông đầy hy vọng của Thạch Lam, mùa đông trong trí tưởng của những người Hà Nội ly hương, mùa đông với cơn bi thiết bàng hoàng, nỗi ám ảnh xao động và cơn quẩn rù mờ mịt trong nhân ảnh say, ca tụng trái đất mưa và lạnh, đôi bóng mặt trời xế bên kia mái tóc bạc để hé thấy một mùa đông cuối cùng, trời bằng giá làm trắng bạch khuôn mặt người yêu, sương bạc như mái tóc mây, đi co ro trên đường đến nghĩa trang họ ẩm đôi bàn tay, đây mùa đông đã khởi sự chúng ta : « Khi nào thu bắt đầu hết, khi nắng vàng hanh dần mất vẻ rực rỡ trên các lá cây, ngọn gió heo may sẽ từng cơn nhẹ lướt trên cánh đồng rộng... » (GDM, lời nói đầu).

Thạch Lam đã được yên lòng chết ở gần La Mã của ông, một La Mã chưa điêu tàn, một Hà Nội chưa khỏi lửa tan hoang. Thạch Lam, văn của một người lãng lý, đời của một người âm thầm (trái hẳn với hai người anh nổi tiếng), sống và chết tận tụy với mảnh đất của mình, ông đã trọn vẹn tới hết tấm lòng chung thủy với Hà Nội, ông đã làm xong sự chung thủy đó. Như người con gái thủy mị vẫn lặng lẽ chờ đợi người tình của mình trở lại, vẫn chung thủy với một mùi hương — mùi hương cũng là một cái gì lặng lẽ để riêng cho từng người : « Mỗi mùa, có lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương » (ST, tr. 17).

Nói một cách nào đó thì đi vào văn chương (Thạch Lam) cũng là một cách tìm đến với những Hà Nội nào ở gần nhất và những mùa đông nào ở gần nhất chúng ta bỏ đi hoang tàn trong hoàng hôn xuống làm đục trông mắt nghe lạnh nghìn trùng. Δ

(1) Văn Thạch Lam : GIÓ ĐẦU MÙA, ĐỜI NAY, 1967 (GDM) — HÀ NỘI 36 PHÚC PHƯƠNG Phụng Giang, 1959 (HN) — SƠI TỐC, Thăng Long, 1952 (ST) — NẮNG TRONG VƯỜN, Đời Nay, 1938 (NTV) — NGÀY MỚI, Đời Nay, 1939 (NM).

(2) Ý kiến Vũ Ngọc Phan : Trong tập « Sơ tốc truyện » « Dưới bóng hoàng lan » là truyện kém nhất và truyện « Sơ tốc » là truyện hay nhất (Xem « Nhà Văn hiện đại » quyển 4, Vinh Thịnh, Hà Nội, in lần thứ hai, 1951, trang 127, 136, 137). Đến đây giờ hình như điều này chỉ dùng nếu được hiểu ngược lại. Thạch Lam không phải là nhà văn sơ đẳng về lối văn lý luận và đạo đức, dù là đạo đức một cách tâm lý.

(3) Paul Valéry : Regards sur le monde actuel, NRF, 1967, trang 155.

(4) A. Camus : L'été (Bài Giảng dịch : Sương Tỳ Hải, Phúc Vang, 1966).

MỜI QUI BẠN ĐÓN CỜ
TRÊN KH SỔ TÔI :

THÀNH PHỐ BÂY GIỜ

ĐỀ TÀI CHUNG CỦA

TRẦN HOÀI THU — ĐẶNG ĐÌNH
TÔNG — THANH NGUYỄN — TÔ
ĐÌNH SỰ — LÊ MIỀN TƯỜNG...

— SAIGON — ĐÀ LẠT — PHAN THIẾT —
QUI NHƠN — PHAN RÍ — ĐÀ NẴNG...

DƯỚI MẮT NHỮNG NGƯỜI TRẺ TUỔI

NGUYỄN NHÂN

tiếp theo trang 7

— Không, em đã nói mà Chuẩn úy, chỉ khi nào nó đến, em nhìn tận mắt, em mới yên tâm đi ngủ, còn nếu không thì không bao giờ em đi cả. Hôm nay tự dưng em thấy buồn nhiều. Cái buồn mà em không biết cái tên để diễn tả. Đôi lúc em cũng có những cái buồn tương tự nhưng chỉ trong chớp mắt rồi thôi, em không còn ai để thông cảm, hôm nay Chuẩn úy đã nghe những lời nói của em thì Chuẩn úy cứ để em nói hết mọi ra có vui được phần nào khỏi sầu bấy lâu chồng chất. Nếu Chuẩn úy không cho em nói em sẽ ăn hận suốt đời, đó khi chết.

Tùng im lặng gật đầu, nó chậm rãi từng tiếng, « Năm ấy em tròn 21 tuổi lòng chưa bợn chút tình, công việc đông ản giúp em quên đi đáng việc ấy nhưng rồi ngày đến, ngày đã làm cho lòng em dậy sóng, em gặp nàng trong 1 dịp tình cờ khi về ngoại chịu lễ mãn tang, thế là chúng em yêu nhau tưởng như không có bức thành nào cản ngăn nổi. Bỗng một hôm nhận được tin chú em qua đời, em và người yêu đi xe lửa ra chịu tang chú nhưng họa vô đơn chí Chuẩn úy ạ. Giữa đường xe lửa bị mìn năng chết, ánh mắt sự cùng nhìn em, em còn nhớ rõ — mà làm sao quên được phải không Chuẩn úy — em buồn quá, suốt 2 tháng liền em không làm sao được việc gì cho nên thế rồi em đành vào lính, cuộc sống ở đây có giúp em quên được phần nào nỗi tình đau đớn ấy nhưng em cũng không làm quên được cái cảnh mẹ em khóc suốt suốt đêm cuối cùng em lên đường. Câu chuyện ấy đã lâu rồi tưởng chừng như chìm sâu xuống tận đáy của ký ức, nhưng bây giờ Chuẩn úy khơi lại, em không trách Chuẩn úy vì Chuẩn úy đâu có biết, nhưng em trách định mệnh khéo trở trêu đàn ra rồi xếp lại trong phủ phàng. Bây giờ chắc Chuẩn úy hiểu tại sao em đi lính này rồi ấy chứ ? »

Tiếng thằng Khôi nghe mơ hồ như ngọn nắng dâng cao. Tùng im lặng, nó chậm dứt ngang đó, tiếng ngày vẫn đều đều của 5 tháng lính, ánh nắng lên cao gay gắt, đoàn công vơ vẫn còn đi chuyển. Tiếng hú của con tàu vẫn im bật, bầu không khí vắng lặng trống trơn, nỗi mệt mỏi hiện về thân xác. Hôm nay nàng lỗi hẹn. Tùng ngả người xuống võng, đầu óc choáng váng như vừa uống cả chai rượu mạnh bậc cao như ngọn nắng giữa mùa hạ, cả thân hình xoay chiều theo hơi thở đi xa. Thằng Khôi vẫn đứng nhìn vào hướng nam trông ngóng con tàu.

Và trong cơn mê chấp chờn chiếc cầu gãy vụn, đầu chiếc xe lửa chúi xuống đường mương đầm, mạnh, thấp thoáng những bóng hình nhẩy múa, tiếng lá thất thanh, 1 bóng người con gái nằm bất động, có thể là Huyền đến thăm Tùng. Con nòng, hăm hăm trên thân, mồ hôi nhai nhai Tùng trông giấc. Con tàu vẫn còn ở đâu xa tít, tiếng còi quen thuộc vắng bật im hơi. Thằng Khôi vẫn đứng nhìn vào hướng nam... Δ

Năm 1955 khi về Hà Nội, I. H. Văn Hóa Cứu Quốc được cải danh thành Hội Nhà Văn. Về tổ chức, nhân sự cũng được sắp xếp lại. Để tránh tiếng cũng như "màu mặt" là nhai tự của mình, Tô Hữu không đảm nhận một trách vụ nào ở Hội Nhà Văn. Đặng thái Mai được Đảng cử thay Tô Hữu trong chức vụ Chủ tịch Hội Nhà Văn. Và sau này, Hội Nhà Văn cũng bị dẹp bỏ, sát nhập với các Hội khác thành Hội Liên hiệp Văn Học Nghệ Thuật. Dĩ nhiên, Đặng thái Mai vẫn là chủ tịch Hội.

Tổng thư ký Hội Nhà Văn rồi Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật là Nguyễn đình Thi. Và Hoài Thanh, Xuân Diệu, Nguyễn công Hoan, Tô Hoài, Nguyễn Hồng v.v. những nhà văn tiền chiến, Đảng phong cho chức ủy viên.

Về mặt tổ chức thì như vậy, nhưng người có quyền thực sự, chi phối, điều khiển trực tiếp đám nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ v.v... Không phải là Đặng thái Mai. Chức vụ chủ tịch của Đảng thái Mai chỉ là một chức vụ để làm kiếng, bao nhiêu quyền sinh sát, hô hét đều nằm trong tay Tổng thư ký Nguyễn đình Thi và Bí thư Đảng ủy Nhà xuất bản do Hà minh Tuấn, trung tá Giám đốc Nhà Xuất Bản Văn Học nắm giữ.

Như vậy, ta đủ thấy vai vế của Nguyễn đình Thi đối với làng văn học nghệ thuật ở Miền Bắc hách biết chừng nào. Thời tiền chiến Thi chỉ là một bóng mờ, trong kháng chiến nhờ "tranh thủ" được tình cảm của Đảng cộng với những tác phẩm vừa thơ, vừa văn, vừa nhạc được cổ gắng sáng tác không ngừng nên Thi đương nhiên trèo lên địa vị ngày nay. Thi vượt qua mặt thiên hạ một cách khôn ngoan, tính toán chỉ lý, nhiều thủ đoạn.

Trong cách xử thế, cách làm việc, tác phong của Thi cũng vậy. Gặp mặt ai Thi cũng cười, hiền lành, nhã nhặn. Nói chuyện thì nhỏ nhẹ khiêm tốn, chưa bao giờ tỏ vẻ giận dữ, dẫu khẫu, dẫu lý tay đôi với ai. Dù bức tức, dù gì gì đi nữa. Thi cũng giấu nó, nếm nó xuống tận đáy lòng, trước mặt hãy vờ như chưa có gì để sau đó "chơi" một phát cho cạn lán, cho đến nơi đến chốn, không còn nhơ nhoe nữa "chơi" một cách êm ái, từ từ, dịu ngọt theo kiểu quá đấm sắt bọc nhung.

Tuy nhiên, Nguyễn đình Thi rất ít giao dịch, chơi bời, nhậu nhẹt với bạn bè. Cũng không tán hươu tán vượn, tâm tình với ai ngoài Tô Hữu và Huy Cận. Vóc dáng Thi hơi cao, lưng nhấc, vai lồi, mặt mạnh rắn chắc như thể tháo gia sung sức, không có vẻ gì là văn nghệ sĩ, cũng không ra nhà giáo, trí thức, ấy thế mà cung cách rất ư là mọt phạm.

Về trang phục của Thi, trong kháng chiến, hầu hết văn nghệ sĩ kể cả Tô Hữu ai ai cũng mặc bà ba màu nâu tây thì ngược lại, Thi toàn mặc quần phục màu cỏ úa hay màu cứt ngựa, nạt nọi gòn gòn. Từ khi về Hà Nội, nếu Tô Hữu, Huy Cận, Hoài Thanh khoác mặc quần áo đại cán như Mao Trạch Đông, hoặc như Xuân Diệu, Nguyễn công Hoan, Nguyễn Tuấn toàn mặc veston, thắt cravate, cái nơ đỏ v.v... diện keng thì Thi từ thời chỉ mặc sơ mi trắng cụt tay, quần ka ki. Hãn hữu lắm, năm khi mười họa phải đi dự đại hội này, tiếp tân kia có đủ mặt khách khứa ngoại quốc, hay xuất ngoại, chừng đó người ta mới thấy Thi xỏ

áo đại cán vào hay áo vét, cà vạt, giày tây,

Nghĩa là ở mọi phương diện, Nguyễn đình Thi đều suy tính cân nhắc tạo cho mình một sắc thái độc đáo, nổi bật nhưng không lập dị cốt sao, gây được uy tín với Đảng và những anh cai văn nghệ khác không dám "giỡn mặt", coi thường.

SAU khi về Hà Nội, được cất nhắc lên chức vụ Tổng thư ký Hội Nhà Văn, đời sống của Nguyễn đình Thi gần như là biệt lập với bạn bè. Đảng và chế độ miền Bắc cũng dãi ngộ Thi đặc biệt hơn những văn nghệ sĩ tiền chiến khác. Thi được cấp công ốc; không như những văn nghệ sĩ khác ở chung trong khu nhà sáng tác của Hội Nhà Văn.

Việc xuất ngoại, Nguyễn đình Thi là văn nghệ sĩ đầu tiên được Nga mời sang thăm Mạc tư Khoa vào năm 1957. Nhân dịp này, để làm vừa lòng Đảng, để cao lãnh tụ Đảng (Tôn đức Thắng) Thi làm mấy bài ca tụng Tôn đức Thắng lúc còn là linh thủy của Pháp được đưa từ V.N sang tham dự đệ nhất thế chiến; kêu gọi phản chiến, làm reo, chống chiến tranh. Và một số bài khác ca tụng Nga để vượt vẻ tình cảm những người đang "đãi đàng" mình. Mặt khác,

Gó phải bên sông cười rộn rã
Ướt lóng đỏi vai có gái quê

Trên núi tuyết cao cao có phải
Mùa xuân đang tới tiếng chim già
Sôi vút hàng thông soi bóng suối
Rừng sâu cộc cạch búa tiêu phu

Tiếng hát đã ngừng trong giây lát
Nhưng dư âm còn vọng lạ làng
Người thiếu nữ nhìn quanh ngỡ ngàng
Như cơn say tiếng hát chưa xong

(trích «BÀI THƠ HẮC HẢI» 1957)
N.X.B. Văn Học Hà Nội 1958

Kết quả chuyến đi Nga và của Thi là bài thơ «trường ca» HẮC HẢI «đăng trên báo VĂN HỌC. Năm 1958 bài thơ này được in chung với một số bài thơ khác đăng rải rác trên các báo trong tạp thơ mong «BÀI THƠ HẮC HẢI». Bài thơ vừa ca tụng Tôn đức Thắng, ca tụng Hồng quân Nga và thỏa mãn được tình cảm nghệ thuật riêng tư của Thi. Đảng khen Thi hết lời, nhất là «cụ Tôn» được đọc bài thơ không ngớt gật gù.

Sau này, 1960, chính quyền Hà Nội cho in ra một «TUYÊN TẬP THƠ VIỆT NAM» (1945-1960) do Nhà Xuất Bản Văn Học ấn hành, cũng trích ra độ 150 câu BÀI THƠ HẮC HẢI cho vào tuyển tập. Hơn thế

Nguyễn công Hoan liềm đem chuyện đó kể lại, to nhỏ bàn tán «tán sữ» với Nguyễn Tuấn, Xuân Diệu. Rồi Nguyễn Tuấn, Xuân Diệu nói lại với Hoài Thanh, Nguyễn Hồng, Chế lan Viên. Cứ thế truyền ra mãi, mọi người đều biết. Thanh Tịnh lúc đó là chủ nhiệm của VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI cũng được bạn bè viết thư thông báo và tò mò hỏi ý kiến.

Thì ra, giữa trường Trần Độ và Ng. đình Thi thế tuyệt không bao giờ «ngồi chung cỗ», thảo luận, bàn bạc bất kỳ một vấn đề nào trong phạm vi văn học nghệ thuật. Bởi, như chúng ta đã biết, Thi là người khởi xướng, thủ lĩnh của phong trào thơ tự do, thơ bằng văn xuôi trong kháng chiến. Lúc đó, Trần Độ hãy đang là chính ủy đại đoàn 312 và Độ cũng là một cây viết lý luận Mác xít nổi tiếng trong quân đội. Ngoài việc lãnh đạo đơn vị, Trần Độ thường có bài viết đều đặn trên các báo Đảng như Tiền Phong, Học Tập, rồi báo Văn Nghệ quân đội, báo Cứu quốc, báo của Tổng Cục Chính trị, báo của đơn vị v.v... Khi thì bình luận, lúc thì tiểu luận, phê bình, nghiêm cứu, tham khảo từ lý thuyết Đảng đến chính sách, đường lối, văn học, kinh tế, văn hóa v.v... Không bỏ môn nào Trần Độ không chen chân vào.

Lần ấy, đọc qua mấy bài thơ tự do của Thi, Trần Độ có vẻ khó chịu về cái «mốt mới» của Thi. Sau đó, gây thành một chiến dịch chê khen, thảo luận sôi nổi một thời gian. Đột nhiên tên tuổi của Thi được nhiều người nhắc tới như một «nhân vật quan trọng» nên Độ ức lắm. Đáng lẽ Trần Độ cũng viết một bài báo, nhưng có lẽ nghĩ địa vị cũng như uy tín của mình ở trên đỉnh cao, Thi chỉ là anh cán bộ văn nghệ tẻ tẻ, mình mà viết bài «đời thoại» với anh nhà hóa ra mình để cao anh ta thêm. Thời thì bỏ qua cho được việc. Cái gì chứ một ông chính ủy đem lý luận Mác xít, lập trường cách mạng vô sản ra mà đập thì anh đảng viên quen như Nguyễn đình Thi chịu sao thấu. Tha cho anh ta làm phước.

Dù vậy, Trần Độ nhân một lần gặp Thi trong một cuộc họp quân lên Tây Bắc, có giờ giọng kẻ cả chê khen sao đó nên Thi «thề» quyết không «chơi» với Trần Độ. Báo Văn Nghệ Quân Đội là của Tổng Cục chính trị, do Tổng Quân ủy lãnh đạo, trong Tổng quân ủy có mặt Trần Độ, Thi viết bài hay công tác ở đó tất nhiên phải thuộc quyền kiểm soát, lãnh đạo của Trần Độ. Tự ái nghệ sĩ của Thi không chịu được điều đó. Chỉ có cách «tránh voi chẳng xấu mặt nào», không tình dăng gì đến Văn Nghệ Quân đội là tốt nhất. Dĩ nhiên «thù» kia được Thi chôn kín trong lòng. Sống đề dạ, chết mang theo.

Riêng về Trần Độ, đa đoan công việc, không hơi đâu nhớ đến cái chuyện thơ thần của Thi. Mãi sau này, qua nhiều năm tháng, cái hiện tượng bất hợp tác của Thi với Quân đội càng ngày càng rõ để đưa đến kết luận: «bất hợp tác vì đồ kỳ Trần Độ» thì vai vế của Thi trong làng Văn đã được củng cố vững chắc rồi. Thi có uy tín với Đảng. Thi được đồng chí TÔ HỮU, Bí thư trong Ban Bí thư Trung Ương Đảng cất nhắc, giúp đỡ. Tuy địa vị trong Đảng của Trần Độ cũng cao nhưng chưa phải là Trung Ương ủy viên, còn nói gì đến chuyện đảm làm mich lộng đồng chí Bí thư cao vời vợi.

(Xem tiếp trang 16)



người thơ, hồn thơ trong lòng Thi chột nỗi dậy trước những cảm xúc tuyệt vời của nghệ thuật mà Thi tưởng chừng đã bị «Đảng tính» bóp chết lâu nay. Nhờ thế, trong tập thơ: «BÀI THƠ HẮC HẢI» (1957) ngoài đoạn ca tụng Tôn đức Thắng mở đầu:

Một bndi chiều đầu năm 19...
Tuyết rơi trên bến Ô-đê-xa
Ngoài khơi một vật dài tau chiến
Kéo cờ Anh Pháp đầu tàu đen mờ
(trích «BÀI THƠ HẮC HẢI» 1957)

Thi cổ nhét cho được cảm xúc nghệ thuật của mình khi đứng trước người con gái Nga:

Họ nín thở nghe nàng thiếu nữ
Mắt trong xanh màu nước xa khơi
Tóc xỏa mây vàng đôi vú thơ
Phập phồng theo tiếng hát tuyệt vời
Tiếng hát ngọt ngào như suối chảy
Dịu dàng như lời mẹ dỗ con
Bâng khuâng thương nhớ buồn tẻ tái
Như mắt người chinh phụ hẻo hơ
Ôi tiếng hát Nga sao vời vợi
Như cánh đồng Nga rộng mênh mông
Gió cát mặt mù trên cỏ cháy
Chìm rơi cánh môi giữa từng không
Trên những cánh đồng vàng chói lọi
Chiều gặt xong đoàn thợ gặt về

nữa, bài thơ cũng được cho vào chương trình văn học cử lớp 9 và đại học Tổng Hợp VĂN.

Tình cờ, nhờ chuyến đi Nga của Nguyễn đình Thi, văn nghệ sĩ Hà Nội mới khám phá được bí mật về Thi: Tại sao suốt bao nhiêu năm trời nay Thi không chịu cộng tác với báo «VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI» do Tổng Cục Chính trị quân đội miền Bắc ấn hành? Điều đó, những bề bạn quen biết, cả Tổng quân ủy Đảng cũng thắc mắc lấy làm lạ. Bởi những văn nghệ sĩ tiền chiến, công tác ngoài quân đội thỉnh thoảng còn cộng tác được đôi bài, dăng này, Thi đã sống sát với quân đội, đề tài sáng tác toàn là chiến đấu, hơn thế nữa. Thi còn là người của quân đội, chính trị viên phó Tiểu đoàn.

Thi đi được mấy hôm, Nguyễn công Hoan thay mặt xử lý thường vụ Hội Nhà văn, nhân lúc mấy ngày kéo tìm công việc, giấy tờ để giải quyết một vụ gì đó, Hoan gặp một cái thư của Huy Cận gửi cho Thi. Trong thư, Huy Cận viết cho Thi biết mình vừa được nghe «đồng chí Trần Độ» chính ủy quân khu Tả Ngạn Kiêm ủy viên Tổng quân ủy bảo: «anh Nguyễn đình Thi có lẽ vì đồ kỳ tôi nên không cộng tác với Văn Nghệ Quân đội». Huy cận hỏi Thi có phải thế không? Và đồ kỳ thì đồ kỳ về việc gì? Giữa hai người đã có mâu thuẫn, va chạm nào xảy ra?

ĐỌC SÁCH « MÊ CHỮ » CỦA VŨ BĂNG

từ «miếng ngon hànội» đến «mê chữ», v.v. vẫn giữ được phong thái thưởng ngoạn ung dung...

VŨ BĂNG, một nhà văn kỳ cựu, một nhà báo lão thành, đã « nổi tiếng từ thời tiền chiến », như người ta vừa mới quảng cáo về ông, sau nhiều năm im tiếng — dù khó ai quên được tác giả « Miếng ngon Hà Nội » — lại xuất hiện trong những tháng ngày gần đây trên những tạp chí như « Văn Học », « Văn », đồng thời qua sự tái bản một tác phẩm cũ dưới cái nhan đề « Phù Dung ơi! vịnh biệt » ông cũng gợi được sự chú ý rộng rãi của nhiều người xưa nay vốn không biết đến tên ông. Hơn thế nữa, với tập « Hồi ký 40 năm nói láo », công hiến cho độc giả nhiều câu chuyện lý thú, ông trở lại trở thành một người viết đồng thời với những cây bút bây giờ đang dựng nghiệp. Một người đang viết, viết về một thời xa xưa, dĩ vãng là một đề tài hơn là một tấm bình phong che đậy dụng ý gây uy tín như đã xảy ra với 1 số người viết về già cổ tổ cho những vẽ đẹp đã lọt lại của một thời Xuân xưa lơ đãng trong đời họ. Ở Vũ Băng, bây giờ, có một ý hướng rõ rệt: tìm về quá khứ và dựng lại những mảnh đời đã vỡ bằng tất cả niềm tha thiết chân thành, bằng những tình cảm dồn tụ của một người đã «qua cầu» («đoạn trường ai có qua cầu mới hay» — Nguyễn Du), một người từng trải. Để mà kể lại, một cách đơn giản, sự đơn giản không đánh mất vẻ ôn tồn vốn có trong giọng kể tìm gặp được những hình ảnh yêu dấu cũ. Và ý hướng này biểu lộ rõ ràng nhất nơi tập truyện « Mê chữ » mà Vũ Băng vừa cho xuất bản trong tháng 6-1970 này.

Đây là một truyện tập gồm 6 truyện ngắn, lần lượt: «Đám cưới hai u hồn ở chùa Dầu», «Mơ về một cuộc chơi trâu», «Ăn tết thủy tiên», «Một cuộc đấu kiện... giết người!», «Một chục bạc, một trận đòn, một kiếp người» và «Mê chữ». Nguyên nhân đặt tên các truyện đã đơn sơ mộc mạc rồi, nó cho thấy một tâm hồn bình dị, không ưa bi hiểm, không chuộng mẫu mề. Nhưng đọc xong 6 truyện trong truyện tập này, là tức khắc thấy ngay sự thiếu thống nhất ở bề mặt của 6 truyện. Chúng được đặt cạnh nhau theo một trật tự không ổn lắm. Có 6 truyện cả thấy, thì tới 4 truyện tả lại những cái thú, những trò chơi đã «vang bóng một thời», cũng loại với những thú, những trò đã được Nguyễn Tuân mô tả trong cuốn sách mang tên này (Vang Bóng Một Thời). Bốn truyện đó là các truyện (Mơ về một cuộc chơi trâu), «Ăn tết thủy tiên», «Một cuộc đấu kiện... giết người!» và «Mê chữ». Còn truyện «Đám cưới hai u hồn ở chùa Dầu» tả cuộc kết hợp của hai hồn ma chung thủy nhờ sự độ trì của một nhà tu; và truyện «Một chục bạc, một trận đòn, một kiếp người» kể lại một câu chuyện thương tâm: cái chết oan khiên của một đứa trẻ ngoại dưới bàn tay cuồng bạo của người cha nghiện ngập cái chết trở thành ám ảnh hãi hùng trong tâm trí người cha sát nhân khiến hắn phát điên. Hai truyện này, «Đám cưới...» và «Một chục bạc...», truyện trước đề ca tụng sự nhiệm mầu của Phật pháp trong sự kết hợp những u hồn, khơi dậy yếu tố tôn giáo, và truyện sau tố cáo hành vi tàn bạo của kẻ say sưa cuồng dại, khơi dậy yếu tố tâm lý, hai truyện này lại khác hẳn của bốn truyện kia. Đó là sự thiếu thống nhất ở bề mặt của sự sắp xếp 6 truyện lẫn lộn với nhau trong truyện tập. Có thể là tác giả vô tình, hay ông cho là chuyện thứ yếu, cái bề mặt thẩm mỹ của sự sắp xếp các truyện bên nhau đó. Nhưng dù vô tình hay ý thức, sự xếp đặt này cũng cho thấy tác giả chỉ muốn kể chuyện, điều quan trọng ở trong những gì được kể ra, chứ không ở cách kể ra chúng, miễn sao kể được câu chuyện một cách dễ dàng, để người thưởng thức câu chuyện hiểu được câu chuyện,

theo nghĩa đơn giản nhất. Như thế, câu chuyện nào cũng có thể kể được, chỉ với điều kiện là hàm ngụ được dụng ý của tác giả. Tác giả đặt ở những truyện của ông dụng ý gì vậy? Để trả lời câu hỏi này, cần xác nhận trước hết quan niệm ẩn tàng của tác giả về tác phẩm văn chương. Quan niệm ẩn tàng này lại nằm ngay trong cách kể chuyện, trong những tình tiết được chọn lựa, những nhân vật được giới thiệu, những ý tưởng được trình bày hay ghi nhận. Vậy người ta thấy gì trong những truyện ở tập «Mê chữ» của Vũ Băng?

Truyện «Mơ về một cuộc chơi trâu» kể lại tục lệ chơi trâu của mấy thôn trong xã Dương Sơn. Truyện xoay vào một gia đình ở thôn Dương Trung: gia đình ông Khôa Mạc. Con trai ông Khôa Mạc là cậu Sóc đến tuổi nuôi trâu chơi. Gia đình phải nuôi cơm, đãi đằng một ông lái trâu lành nghề để ông này chọn mua cho một con «trâu chiến». Ông lái trâu đó (ông Lái Quấy) sau nhiều ngày khổ công tìm kiếm mới mua được con trâu chiến của anh Khoát làng Đại Bái. Gia đình ông Khôa Mạc lại phải mời anh Khoát đến ăn ở nhà ông

NGUYỄN NHẬT DUẬT



MỖI TUẦN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH

để giúp cho cậu Sóc điều khiển con trâu bắt kham. Trong thời gian ở nhà ông Khôa Mạc, anh Khoát yêu con gái ông ta là cô Vang, chị cậu Sóc. Cô này đẹp và cao sò, đã yêu lại anh Khoát một cách say đắm. Thế rồi con trâu chiến của cậu Sóc nhờ công tập luyện, nhờ sự chỉ bảo của anh Khoát cho cậu Sóc điều khiển nó, đem lại vinh quang cho gia đình ông Khôa Mạc, nó chiếm giải danh dự. Lợi dụng dịp vui mừng của gia đình này, anh Khoát nhờ Lái Quấy nói lời xin dạm hỏi cô Vang. Nhưng ông Khoát lại lấy làm buồn hồi còi con trâu chiến của làng ông là «trai làng lý vợ làng», không thể gả Vang cho Khoát là trai làng khác dù ông vô cùng cảm kích đối với cái ơn lớn của Khoát là đã đem lại vinh dự cho gia đình ông. Thế là hai kẻ yêu nhau đành phải chia lìa bởi bức thành trì cổ tục ngăn cách. Khoát tình nguyện sang Pháp đánh giặc Đức để quên nỗi sầu tình, Vang lâm bệnh rồi ngã gục và sau cùng bỏ nhà đi tu.

Truyện «Ăn tết thủy tiên» tả lại cái đám mê chơi thủy tiên của các cụ già ngày xưa, cặm cụi mấy tháng trời chăm sóc cho những củ thủy tiên, quên ăn quên ngủ, để rồi đem chúng đi thi lấy giải thưởng, hồi hộp rồi sung sướng đến ngây dại khi trúng giải, được khách khứa đến thăm viếng, chúc tụng, ngắm nga với mình trong những ngày đầu xuân hoa thủy tiên tươi nở. Đó là cái đám mê và sự cặm cụi, nỗi hồi hộp và niềm sung sướng của gia đình người kể chuyện nói chung và đặc biệt của người cha già trong gia đình nói riêng.

Truyện «Một cuộc đấu kiện... giết người!» kể lại cuộc đấu kiện sôi nổi giữa các danh sĩ tỉnh Thanh Hóa trong cuộc họp mặt tại nhà cụ Mền Quý ở Thăng Mộc Ấp, vào mùa xuân năm Ất Mão (1915), để kỷ niệm ngày chấm dứt chế độ khoa cử xưa. Thú giải trí bằng trò đấu kiện thu hút những văn nhân trẻ trung, linh lợi và hiếu thắng. Cũng vì vậy mà Huân Tộ — đầu cử nhân, đăng khoa rất sớm, lại làm đến chức Huân Đạo mà mới « ngoài hai mươi nhăm tuổi » — bị xếp ngồi ở chiếu cuối cùng đã ức, rồi còn thua cay bao nhiêu văn kiện, cảm thấy nhục, nên giờ trò « khuyến nho », lên về sớm và mặt báo lên tinh là nhà cụ Mền Quý « có cuộc hội họp bí mật âm mưu chính trị » (chống lại nhà nước Bảo Hộ thời đó). Cuộc vu cáo khiến toàn thể văn nhân họp mặt bị áp giải về tỉnh. Sau cùng, nhờ sự điều tra sáng suốt của một người Quản Một có lương tâm, nên mọi người được tha. Quan Tòng Đốc Thanh Hóa gọi riêng cụ Mền Quý ra một nơi cho biết nguyên do khổ nạn chỉ vì Huân Tộ « thua kiện nhục nhã, ai oán quá ».

Truyện «Mê chữ» tả ông Trường kính ở một làng kia, ngoài Bắc (ngày xưa), ham mê chơi chữ, quên ăn quên ngủ vì những bức chữ do các tay danh bút ngày xưa viết. Ông ta mê bức chữ «Trung Đường» của ông Ba Vu mà người con ông này đã mua được ở ngoại quốc đem biếu cha làm quà hồi cư. Trường kính bèn cả cái đời và bộ đồ ngọc để mua bằng được bức chữ của Ba Vu một cách suýt xoa (sung sướng) sau khi sắp đặt với chú Công cho con khi của chú Tàu này ăn cắp mà không xong. Và Trường kính mua được bức chữ bằng cách nịnh cho vợ Ba Vu xiêu lòng, để bà này thuyết phục ông chồng (vốn sợ vợ); bức chữ, sau cùng, nằm trong tay Trường kính với cái giá vào khoảng nửa triệu bây giờ! Cái thú chơi chữ nó làm khổ người ta đến thế, nó tử công phu như vậy đó!

Qua 4 truyện này, tác giả chú tâm tả thật kỹ, bằng những mô tả thật cụ thể, kèm theo những lời tán thán hay suy tư, làm cho lời tả thêm đậm đà và điều được tả thêm phần quan trọng, tả gì? Tả những thú vui, những trò chơi đã một thời sinh khí từng bừng cho đất nước, mà ngày nay đã chìm khuất xa mờ: chơi trâu, chơi thủy tiên, đấu kiện, chơi bức chữ. Có đức những câu tán thán, ca ngợi, ca ngợi chính tác giả, cũng đủ thấy ông tha thiết biết bao khi gọi lại những vang bóng cũ: «Một tháng tâm phiến chợ mới cả chân, khan cả cò mà rút cuộc chẳng có con nào ưng ý thì có bức không, hồ trời? Giả thử là trâu cây, thì mua bữa mới con cho rảnh chuyện nhưng dùng này đâu có được. Vì đây là trâu chơi, mà tậu một con trâu chơi đâu có phải là chuyện chơi?» (trang 52). Một đoạn khác: «Đứng ở dưới bóng đèn trong nhà mà nhìn ra những bắp thủy tiên đã lên lá xanh ở ngoài sân, ra vườn tượng như những nàng tiên bé nhỏ mới nhô lên được nửa người khỏi mặt nước — nhưng nửa người đó trông đã non nà làm sao!» (trang 63). Ở một trang khác: «thú vị nhất là mỗi khi có đầu thú đã trúng khỏi nguyên lại còn bị trượt xuống làm thì sinh tai sát hạch, sau khi bị một ván đại bại vì không thấu hoạch được một điểm nào. Mỗi lần «không điểm» như vậy, gọi là bị «cú», nghĩa là bài làm bất cú», bị sỗ toét, không trúng (trang 88). Hoặc nữa: «Bức chữ ấy của Ba Vu chỉ có bảy chữ «Hoa quốc trăn gian vạn quyền thư», nhưng cả bảy chữ đều là thần bút, thế gian khó mà có một bức đẹp hơn. Chơi

(1) « Mê Chữ », tập truyện của Vũ Băng, Nguyệt san Văn Văn số 26, 1970, 128 trang, đề giá 50 đồng.

«bức đồ rồi chết, cũng đáng đời» (trang 116). Tác giả vừa tả tỉ mỉ những chi tiết cần tả, vừa giải thích cặn kẽ những điểm cần giải thích, một cách mạnh mẽ và quán xuyến. Chọn trâu nuôi để chơi thì nào rắng, nào xoáy, nào sừng, nào cẳng, đều phải đẹp, rồi lại phải mất đồ, cò lùn, yếm ngọc, vó vai, những đặc điểm của «trâu hùng» vừa khỏe vừa dai sức vừa hiểu chiến. Trâu chơi thì phải «trai trắng và trong sạch», còn các cậu nuôi trâu chơi thì phải thanh khiết, ăn chay suốt thời kỳ nuôi trâu, được thăm sát lại trong kỳ «gieo âm dương» trước bàn thờ Thành Hoàng... Giọt thủy tiên thì phải có ba thứ dao, thứ lấy lá, thứ lấy giò, thứ chạm giò cho lá thẳng ra. Củ thủy tiên đẹp không cần 6 giò hay 7 giò, vì như vậy thường thiếu lực, chỉ cần 5 giò trở lại, «miễn là giò nào cũng không trên và có hoa hăm tiếu vào đúng giò chấm thì». Trời nồm thì lo hoa nở sớm, rét thì sợ hoa nở không kịp, nên khi phải quặt và ngâm xuống nước cho mát lúc lại phải đặt vào chỗ ấm cho đủ sức nóng... Tác giả luôn luôn chứng tỏ được ông có óc quan sát tỉ mỉ, tinh tế của con người sành sỏi, «thăm mùi đời». Từ cuốn «Miếng ngon Hà Nội» đến cuốn «Mê chữ», Vũ Bằng vẫn giữ được phong thái ung dung thường ngọa của bậc văn nhân có tính thần hoài cổ và tôn cổ một cách vừa khoan hòa vừa thành khẩn.

Đó cũng chính là nét điển hình của hồn cổ điển: Vừa chỉ bảo một cách nhẹ nhàng, vừa làm đẹp lòng kẻ thường ngọa một cách nhã nhặn. Sự gặp gỡ giữa hồn cổ điển Tây Phương của một Racine (*instruire et plaire*) và hồn cổ điển Đông Phương của Vũ Bằng ở đây làm lộ rõ quan niệm cổ điển căn bản về hai chức năng của văn chương: phổ biến một viễn quan hòa hợp về thế giới (nội giới và ngoại giới), đồng thời bao hàm sự nhìn nhận một phẩm tính đáng kể nơi sở thích của cá nhân văn bản của đại chúng. Cái độc đáo của Vũ Bằng là, trong tập «Mê chữ» ở chỗ đã dùng được nghệ thuật văn chương làm phương diện diễn đạt kinh nghiệm của ông, ở

chỗ phối hợp được với vận hành ý thức của thế hệ ông, qua cách kết cấu chặt chẽ và đơn giản, những đề tài phổ biến, những nhân vật điển hình. Thế hệ ông chính là cái thế hệ trong đó ông đã sống những kinh nghiệm được diễn tả ấy, thế hệ đã qua đi cách nay cả một góc thế kỷ, thế hệ của hoài niệm bây giờ vậy. Vũ Bằng đưa chúng ta vào thế giới mà ông hoài niệm, cái thế giới mà ở đó tiêu chuẩn sống là lịch duyệt là tao nhã. Ông thuyết phục chúng ta bằng những mô tả vốn dĩ ông làm chúng ta cảm động bằng những lời lẽ ôn tồn. Ngôn ngữ của Vũ Bằng ngôn ngữ của văn chương cổ điển — đúng là một áp dụng tu từ pháp, tôi không dùng chữ «tu từ pháp» theo nghĩa xấu như một số phê bình gia ngạo mạn thường hiểu, bởi tu từ pháp có thể hay, có thể dở, không nhất thiết phải luôn luôn là dở. Tu từ pháp cổ điển mà Vũ Bằng áp dụng ở mức độ bình thường, làm biến mất cá tính sắc cạnh của nhà văn (cá tính sắc cạnh của Nguyễn Tuân «Vang Bóng Một Thời»), để chỉ còn lại cái thuật tiêu thụ một mô tả cho trọn vẹn, một pho bày cho câu đố, một sắp xếp cho vừa vận những ý tưởng và cảm xúc cần khơi dậy; ở bút pháp cổ điển này, phẩm tính trội nhất là sự thăng hóa mọi đặc tính chủ quan, trong sự giao hòa hoàn hảo giữa cá tính và phổ quát tính. Bút pháp không là bản chất, không là dấu triện son đóng trên tờ giấy trắng của tác phẩm mà trái lại, ở đây với Vũ Bằng, bút pháp trở thành một chức năng: chức năng nối kết những mảnh đời đã tan tác, đã vỡ vụn, để làm thành những toàn thể (những toàn thể được tái tạo) vuông tròn, hoàn hảo gói trọn xác rã tan trong một lớp áo lành lặn, một cách khiêm cung, từ tốn. Đọc Vũ Bằng, khó ai chối được sự hiện diện đơn hậu, từ tốn của tác giả qua ngôn ngữ. La Bruyère đã từng nhận xét rằng bậc chính nhân (*l'honnête homme*) không chăm chọc bất cứ điều gì, bất cứ ai. Sự nhã nhặn khiêm cung này vốn ít khi phù hợp với những tư tưởng mới mẻ và mạnh bạo. Bởi thế, luôn luôn

có một vẻ gì bình thường (đến độ tầm thường) trong những ý tưởng của con người lễ độ khiêm cung. Đó cũng là điểm khác biệt sâu xa giữa Vũ Bằng và Nguyễn Tuân, từ trong ý tưởng đến mạch văn và lời văn. Ở Nguyễn Tuân không thể có giọng văn mà người ta dễ tìm thấy trong tác phẩm Vũ Bằng đại loại như: «Chuyến đi cuối cùng giục già chia ly. Khoát sang sông, lòng đau như cắt. Vang chày nước mắt, trở về Dương thôn, hồn nặng thế lương» (trang 51), hoặc như câu cảm thán: «Giờ phút đó huyền ảo lắm, thời gian ọ ọ» (trang 55) hay câu nói khoai khoai: «Ngày xưa, Tô Tần đã chức xong thuyết hợp tung, sáu nước phong làm tướng. Ôi thôi, để không mong tướng với tá, chỉ xin cái đổi của Cã Vê để chơi Tết là đủ thỏa» (trang 122). Ở văn Vũ Bằng thiếu cái lạnh băng giá ngắt, cái nóng nực bức bối, cái ồn ào, cái nghi ngút, thiếu đời sống rậm rạp nhốn nháo của văn Nguyễn Tuân cũng chỉ vì Vũ Bằng viết với những tình cảm khoan hòa đơn hậu nhiều hơn, nên sự vốn vã không bao giờ trở thành xoắn xít, sự thiết tha không làm ông muốn nhai ngốn người đối tượng. Do đó, đọc văn Vũ Bằng người ta không thể ngây ngất đầu óc hay buồn héo ruột gan như khi đọc Nguyễn Tuân. Văn chương có thể là một cái thú, nhưng chỉ là một cái thú phiêu lưu không đến nỗi trở thành thủ thách sinh tử. Văn chương không phải là nỗi dằn vặt triền miên hay niềm hoan lạc bất tận, nó chỉ là trò chơi đẹp mắt, đáng yêu. Nó là phương tiện, không là cứu cánh. Bởi thế, cách viết hay lối kể chuyện — vấn đề kỹ thuật — không quan yếu, chỉ có điều được viết ra, được kể lại mới đáng nhắc tới. Có lẽ vì quan niệm như vậy mà người ta thấy hai truyện «Đám cưới hai u hồn ở chùa Dầu» và «Một chục bạc, một trận đòn, một kiếp người», là những truyện phá vỡ tính cách thống nhất của tuyển tập «Mê chữ», chúng là những truyện kể không có gì đặc sắc, bên cạnh bốn truyện kia. <

BẠN HÃY MUA NGAY:

NHỮNG BÀI KHÔNG TÊN

NHẠC TÌNH CỦA VŨ-THÀNH-AN ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA
10 TÌNH KHÚC.

THIÊN TỬ

235, ĐỀ THÁM SAIGON — TÔNG PHÁT HÀNH

- Bạn muốn tìm hiểu về binh chủng «THỦY QUÂN LỤC CHIẾN»?
- Bạn là người yêu của những chàng trai lính «MŨ XANH»?
- Bạn đã từng nghe và thấy những chiến công oanh liệt của người lính «CỘP BIÊN»?

HÃY TÌM ĐỌC NGAY:

DÒNG SÔNG TRƯỚC MẶT

Tuyển tập tuyệt vời của những người lính «MŨ XANH»
Đã có bán khắp các nhà sách trên toàn quốc.

THIÊN TỬ XUẤT BẢN

ĐÓN ĐỌC:

TÊN PHIÊU BẠT

tân truyện của NGUYỄN SA MẠC

- Một tác phẩm thành hình từ những đớn đau và hận của một tâm hồn màu xanh phủ ngập lá vàng.
- Một tên phiêu bạt đa tình đi tìm một quê hương bưng sảng.
- Một thoát đi để lại bao yêu thương luyến nhớ cho một kẻ trót sinh ra đã vướng những ràng buộc: vô hình, và cho người con gái 10 năm chờ đợi.

— do TÔNG VIỆT CHIÊM viết bạt

NHÂN SINH xuất bản

MAI PHIÊU

BUÔN BÁN THƯƠNG GIA

365, Ngô Quyền

RẠCH GIÁ

HUỖNH QUẢ

BUÔN BÁN

TRẦN VĂN TỊCH

THƯƠNG GIA

TRẠM XÃNG

LỢI THÀNH

115, Nguyễn Thoại Hầu

RẠCH GIÁ

5, Võ Văn Sang

RẠCH GIÁ

Xã An Hòa

Quận Kiên Thành

RẠCH GIÁ

quản cā phê

TIẾP THEO TRANG 4

lên hiện nay. Chúng tôi xin lỗi đã xâm phạm vào "thế giới riêng tư" của ông (tôi dùng chữ "privacy") nhưng vì không có cách nào khác để gặp ông được, chúng tôi đành...

Saul Bellow mỉm cười sáng rực cả nét mặt. Có một điều tôi để ý là khi tôi ca tụng ông là thế này, thế nọ, thì ông vẫn đón nhận một cách tự nhiên, chứ không giả bộ khiêm tốn mà chối từ cái "án huệ" do một kẻ xa lạ từ cái vùng Việt Nam kỳ lạ quá xa xôi mà cũng quá quen thuộc với ông. Tôi nhìn thấy bàn của Saul Bellow bừa bãi đầy sách, sách mới, sách cũ, sách của người khác, sách của ông viết, gần bên mấy kệ sách có cái nón nỉ và có cánh cửa sổ nhỏ để lọt vào một đợt nắng vàng của buổi chiều Chicago. Tiếng nói của S. Bellow chậm rãi, từ tốn, ấm áp, tươi và rất lịch sự, rất "gentleman". Tác của ông trắng bạch, nét mặt gầy, hao hao giống Krishnamurti, đôi mắt sáng ngời. Tôi để ý nhất cái đôi mắt sáng ngời, vừa hèn lỉnh, vừa tinh nghịch, vừa bao dung, vừa tinh tế, có cái gì sắc nhọn như dao trong ánh mắt vui hiền kia. Ông Nguyễn Khắc Hoạch lai xoay vào câu chuyện về vấn đề chiến tranh Việt Nam và Saul Bellow lại cúi mặt đặt ra vấn đề chiến tranh Việt Nam và phân tích rất mạch lạc đứng đắn mà chỉ có một nhà văn Do thái trong một xã hội Mỹ mới thấy được:

— Một trật tự nào đó đang ra đời ở đây... nhưng đồng thời người Mỹ chúng tôi lại theo đuổi một chính sách ở hải ngoại quá bất lợi. Không phải là thiếu thiện chí, nhưng là vì thiếu kinh nghiệm (inexperience) và thiếu trật tự (confusion)... về vấn đề Việt Nam, chúng tôi không biết cách nào để tự rút lui ra mà không phải. Tôi nghĩ rằng những vấn đề chính trị hiện nay đòi hỏi một sự tổ chức lại cái thái độ suy nghĩ và cảm nghĩ của chúng tôi... đòi hỏi chúng tôi có khả năng lĩnh hội tinh thần trong toàn thể (to grasp the situation in its wholeness)...

Tôi chợt nhớ lại một bài viết của Saul Bellow mà tôi được đọc qua bản Pháp văn trong quyển khảo luận về Saul Bellow của Pierre Dommergues (Grasset, Paris, 1967) mà tôi mới đọc lúc ở Hà uy đi; trong khi tôi thái độ chính trị của mình, Saul Bellow có viết đại loại như vậy: "Paradoxalement, nous faisons de grands pas dans le domaine des droits civiques et du bien-être social. On assiste à une sorte de révolution en Amérique. Un nouvel équilibre est en train de naître. Mais au même moment nous poursuivons une politique étrangère aussi méprisante que périmée... Au Viet Nam, il ne s'agit pas d'une volonté de politique impériale mais d'une impossibilité de savoir se dégoûter sans se soumettre au communisme dans le Sud-Est asiatique. Les Américains sont saisis d'effroi devant des images de villages bombardés et de guerre au noyau. (etc)...". Ông Nguyễn Khắc Hoạch có đặt vấn đề lại với Saul Bellow trong một cái nhìn khác. Nhưng Saul Bellow lại xác định lại thái độ của nhà văn đối với chính trị. Tôi có nêu ra trường hợp của Norman Mailer, nhà văn Mỹ đồng thời với Bellow, và Bellow cũng nói lại như ông đã từng nói chét và đang SỐNG.

nhiều lần trong những bài viết chính trị. Ông nói rằng ông "chống lại những cử chỉ hệ thống" (ý của Bellow muốn ám chỉ Norman Mailer vì hay ồn ào lên tiếng về chiến tranh Việt Nam); ông không chống lại thái độ nổi loạn của thanh niên nhưng ông chỉ nhắc nhở là thường khi cử chỉ nổi loạn lại nặng vào việc làm đáng hơn là có một ý thức sáng suốt, suy nghĩ, tỉnh táo. Ông lại qui chuồng tinh thần "trật tự" (radical) của thế hệ sinh viên ở Berkeley, đại học đường Berkeley nổi tiếng về việc "phản chiến", vì thế hệ thanh niên này đã chống đối lại một tương lai buồn tẻ, chống lại công ăn việc làm vô nghĩa và chống lại tinh thần "duy lợi, hiệu năng" của xã hội tân tiến hiện đại. Tôi lại kéo lời câu chuyện trở lại những vấn đề văn nghệ. Tôi nhớ có một lần Henry Miller có nói với tôi về Saul Bellow lúc tôi gặp Miller tại California vào hai ba năm trước; Miller đã ca tụng Saul Bellow hết lời; Henry Miller đã nói rằng ông có hy vọng rất nhiều về Saul Bellow: "Chính tôi cũng muốn viết như Saul Bellow".

Tôi định hỏi Bellow nhiều chuyện, nhưng thôi. Vì tôi sợ nhớ là Saul Bellow đang có khách và phải cắt ngang để tiếp đón chàng tôi. Tôi ra hiệu với ông



Hoạch và chúng tôi đứng dậy bắt tay. Tôi nói với một giọng "tình cảm kín đáo", đây "những lần ý riêng" mà tôi đoán rằng Saul Bellow hiểu được:

— Tôi cần nói nhiều với ông, nhưng tôi muốn nói gì với ông, chắc ông cũng đã biết rồi. Thực ra tôi không có gì để nói với ông. Tôi chỉ muốn gặp ông và nhìn mặt ông một lần. Chuyện đi Mỹ lần này, đối với tôi, chỉ có ý nghĩa duy nhất là được gặp ông và không cần nói chuyện. Chỉ gặp thôi. Việc đi thăm đại học đường Mỹ chỉ là một cơ. Tôi đi gặp ông. Good bye.

Tôi nói đại loại như trên. Có thể tôi không nói giống từng lời từng chữ như trên, nhưng đôi mắt tôi lại còn nói nhiều hơn nữa.

Tôi lại nhớ cách đây ba năm tôi thi đậu học bổng du học ở Huế Kỳ và thực ra thì cái việc "du học" ấy cũng là một cơ để gặp Henry Miller. Tôi đã được gặp những gì tôi muốn gặp. Giống như tôi đã gặp hoa PHONG LỮ THẢO trong tách cà phê. Ông Hoạch và tôi bước xuống thang máy, Vài ngày sau chúng tôi lại rời Chicago đi Indianapolis, rồi sau đó đi Bloomington, rồi đi đến Dayton, Michigan. New York, Washington. Trong chuyến đi Mỹ ấy, tôi đã đi nhiều thành phố khác nhau, nhưng sau chuyến đi ấy, trí nhớ tôi không còn giữ lại cái gì cả. Tôi chỉ còn giữ lại: đôi mắt của Saul Bellow và quán cà phê lâu đời giữa vùng thị tứ Chicago. Trong quán cà phê ấy, tôi bỗng nhớ lại cái cơ của chuyến đi mình và đồng thời tôi lại nhớ lại tất cả những cái cơ trong đời tôi. Như cái cơ để gặp Henry Miller. Hay như một cái cơ khác như việc viết văn. Cũng như sáng tạo chỉ là một cái cơ để thấy mình chưa

Tất cả cuộc đời của chúng ta chỉ được xoa quanh những cái cơ. Có những cái cơ dễ nhận và có những cái cơ khó nhận. Giống như những nhân vật của Saul Bellow: nhân vật Herzog trong quyển Herzog chỉ là một cơ để tác giả nói lên tâm trạng của trí óc trong thời hiện đại, cái trí óc đa sự vấy vũng giữa những mê cung lý luận và những giới hạn đời sống, sau cùng rồi phải chấp nhận sự trôi nổi không thể tránh né được của mình và sự bất thành bằng không thể tránh được của đời sống để cho tâm hồn được sống và sống trong những nguyên tố căn bản của sự sống (the soul lives, and it lives in the elements) và để thực hiện chính ngôn: "Hãy treo móc nỗi khao khát của anh lên một ngôi sao" (Hitch your agony to a star): nhân vật Henderson trong quyển Henderson the Rain King là một ông triệu phú mà chỉ thích sống với một bầy heo (ông không thể làm bạn với con người mà chỉ còn làm bạn với heo) rồi đi qua bên Phi Châu và lấy chuyện đi Phi Châu ấy làm một cái cơ để gặp lại Nietzsche (qua hình ảnh vua Dahfu) và được đi tìm đạo qua ba cuộc hóa thân từ heo (tức là: đười ươi), biến thành sư tử và sau cùng trở thành trư heo hồn nhiên, chấp nhận tất cả mọi sự, chấp nhận tinh thần (Being) ngay giữa lòng biến dịch. (như Henderson nói: "Hạng người TRỞ NÊN cứ mãi làm chuyện giải thích và biện minh cho hạng người ĐANG LÀ... Việc TRỞ NÊN đã bắt đầu từ ra khỏi ngoài tại tôi. Thôi đủ rồi! Vỡ rồi! Đã đến lúc LÀ! Hãy làm vỡ nó giã nát của tâm linh... The becoming people are always having to make explanations or offer justifications to the Being people... Becoming was beginning to come out of my ears. Enough! Enough! Time to be! Burst the spirit's sleep.). Như nhân vật Tommy Wilhelm nhìn thấy nét mặt của người chết xa lạ, để làm cái cơ mà bước lên tấn kịch TRỞ NÊN, TRỞ THÀNH (Becoming) của con người và đón nhận cái LÀ như "sự thành tựu của nhu cầu tối thượng của con tim" (to ward the consummation of his heart's intimate need). câu cuối trong quyển Seize the Day. Hay như nhân vật Joseph trong quyển The Dangling Man sau cùng phải chấp nhận những gì không thể tránh được: anh đắm đầu vào trại lính, vì anh thấy rằng anh không thể chọn lựa số phận của anh, nhưng anh có thể chọn lựa cách giải thích số phận mình; thế là chấm dứt cái đời sống "lưu luyến" mà anh vốn là "kẻ lưu luyến" (the dangling man); di linh chỉ là một cái cơ để nhốt mình, lại trong giới hạn mà mình không thể tránh được, nhưng mình có thể chấp nhận với tất cả sáng suốt, quả quyết, dứt khoát để không còn "bấp bênh, trôi nổi, lưu luyến, vấp vấp và vấp vấp", và từ đây chấp nhận nhà tù nhưng chính sự chấp nhận sáng suốt, này sẽ được giải thích như là cái để ngăn chặn sự điên loạn và canh giữ cho tâm linh khỏi lưu luyến sụp đổ (And for the supervision of the spirit!) Và sau cùng bài viết này cũng chỉ là một cái cơ để tôi thấy rằng mọi sự đều có cơ và khi thấy như vậy thì đồng thời tôi cũng thấy rằng chỉ có một cái không có cơ và đó chính là cái cơ: chỉ có cái cơ là không có, vì thế mọi sự không hẳn là có cơ. Do đó, có cơ và không có cơ đều giống nhau. Cái cơ chỉ là một ý nghĩa mà mình đặt lên trên cái vô cơ của đời sống mình: một đóa hoa đặt lên trên sự hỗn loạn. Giống như hoa phong lữ thảo đặt lên sự nổi loạn của một tách cà phê đen ở giữa vùng thị tứ Sài Gòn đầy "âm thanh và cuồng nộ". <1

LẦN ĐẦU TIÊN TẠI MIỀN NAM

VĂN CAO, DZOAN MÂN, TÔ VŨ, HOÀNG GIÁC, LÊ TRẠCH LỰU, HOÀNG QUÝ, TU MY

đồng:

PHẠM DUY, MINH TRANG & DƯƠNG THIỀU TƯỚC, NGỌC BÍCH, ANH VIỆT.

trong:

NHỮNG TÌNH KHÚC

TIỀN CHIẾN TIÊU BIỂU

MAI THẢO viết bặt — HỒ THÀNH ĐỨC vẽ tranh — KHAI PHỒNG xh.

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

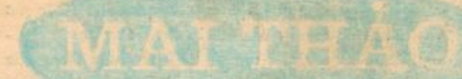
Nếu bạn là người:

— đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp? — đã từng sống chết, chiến đấu với Việt Minh? — là người có cảm tình hoặc đang hoạt động cho MTGP/MN? — là người chống cộng triệt để, một mắt một còn?...
... Thì... các bạn sẽ hối hận, tiếc vì một đời nếu chưa đọc được cuốn này:

BÓNG TỐI ĐI QUA

(Tức 1.287 ngày trong Bộ Chỉ Huy tối cao MTGP/MN) của KIM NHẬT HOA ĐĂNG in

Đã phát hành trên toàn quốc.



Đời sống của những người viết văn chúng ta, là cái bình ảnh đó của một vụ mùa, những hạt sương sớm những nhánh mạ đầu có thể rất non xanh, nhưng mùa mưa chừng mùa, không rực rỡ vàng thành cái nướm nướp mênh mông cánh đồng lúa chín. Người viết tích lũy vào hồn mình một vốn sống đầy như biển đầy, nhưng cái vốn sống kia chưa thả buồm thành một ngọn triều vượt thoát khỏi những bến bờ nội giới, tiếng nói đã tắt, cây bút đã rơi, trông mắt đã khép, hơi thở đã dứt, người viết đã chết. Thực tế của người viết đất Việt là một thực tế mẹ kiếp. Muốn chửi thề. Muốn văng tục. Muốn nhò lệ. *Sở Đồ* của Vũ Trọng Phụng là một kiệt tác chói lòa thứ ánh sáng ý thức dưng cảm chiếu soi vào những vùng lầy nhớp nhúa của một xã hội buồn mưa, làm cho người đọc, đọc hết những cực tả về cái bẩn, thấy tâm hồn mình thơm và sạch hơn. Phần nó là một liều thuốc sát trùng thần diệu. Nhưng thân thể Vũ Trọng Phụng không sô dô mà sô đen, đen kịt màu đất ngục, đen kịt như hai buồng phổi đầy đặc vì trùng làm tổ của Vũ Trọng Phụng hồn sáng như gương mà chết với vi trùng.

*Thuê sống rồi con đóng nặng nề
Rồi con viết mướn hay may thuê
Tìm đầu nường nấu đi đầu thoát
Hay sớm lang thang tối ngủ hè.*

Trần Huyền Trân. Không tìm được nường nấu ở đâu hết. Không đi đâu thoát hết. Kẻ thù của những người viết văn đất Việt chân chính không thỏa hiệp, trước hết là thực tế khổ nạn quật đập tàn nhẫn, và thực tế đắc thắng giữa cổ cất cao điệu cười khà ó mắt giấy. Hai năm nay tôi tìm tài liệu viết cho một chương trình vô tuyến về thơ và con người Trần Huyền Trân mà không được. Là tả những đề lại vụn vặt. Một vài câu thơ, người này còn nhớ, dăm bảy câu khác người nọ may quá chưa quên. Chỉ có thế. Một hành tinh lạc lõng bay vút qua một vòm trời nhân thế lạnh lùng, một ánh lân tinh chìm, một vỏ cánh vào hư vô trắng và trắng và phẳng. Đó, những Trần Huyền Trân của chúng ta.

Xâu chuỗi những sớm khuya phí lý là một xâu chuỗi dằng dặc hứa hẹn nối dài, không có dấu dứt. Đời ngắn quá chừng đời. Đời ngắn không thành đời. Không Dương. Leiba. Quách Thoại. Nguyễn Nhược Pháp. Nhớ thêm nữa, đầu óc choáng váng sẽ chỉ còn là chất ngất mội đầy. Hàng hà âm điệu vàng ngọc chưa kịp thoát bay ra ngoài cổ họng. Chồng chồng giấy trắng mực đen có lửa, có hồn, có đời sống bất sống được, có ngôn ngữ làm mới, có bút pháp làm chủ sẽ được chuyển chỗ vào kho tàng văn học chúng ta. Nếu những Thoại, Dương, Pháp kia được sống qua một Tết Nguyên Đán này, hết một mùa xuân kia, thêm một mùa hạ ấy. Vì trùng đục những đường hầm trong phổi yếu. Ngựa vượt tầu vượt tầu vượt tầu. Ngựa thờ hào hèn thờ hào hèn. Những người viết văn đất Việt chúng ta bị thực tế khốn cùng rượt theo, vờn hết cổ gãy, dựng hết tóc rối, phồng hết gổ mồi rượt theo thời gian đó. Nhưng huyệt huyệt. Và chơi với ngã xuống. Người viết chữ chết sớm của chúng ta là con ngựa hồng hình ảnh đời người trong thơ Tô Thùy Yên. Xã hội này bảo đảm được gì cho kẻ có tài? Có. Mày sống què quặt, vật vờ, quần quai, âm thầm đời này. Và chết. Những cái chết của Phụng, Thoại, Dương, Pháp như chưa sống đã chết, chân tà bước tới chân hữu đã về, khai sinh và khai tử liền giong. Như người lính tiền phong xung trận đã bị viên đạn đầu bắn ngã. Cỏ cây và súc vật chết.

CHO NÊN, báo táp thực tế phản phúc vẫn cứ đánh ngã của văn học chúng ta những nhánh mạ mới lên, thời tắt của văn học chúng ta những ánh lửa vờn nhen, chặt cụt của văn học chúng ta những mầm non vừa nhen. Từng cuộc đời đương độ thịnh bồng mạt bay đi những mùa vàng. Hoàng Đạo thơ hát ra trên một toa lầu. Một cái chết nữa của những phượng hoàng gãy cánh. Ở một bờ đề cao vàng ủa nắng quái chiều nghiêng xuống một bãi lầy dựng thành pháp trường, một phát đạn nổ. Trong một nhà ngục, những đêm ngày tra tấn vật vờ, và những cực hình bất phải gặp

những cùng tận, những không thể tưởng tượng, những ở ngoài mọi tưởng tượng về rừng rợn đón đau. Những cái chưa được in ra của Khải Hưng chắc hẳn còn phong phú còn tốt đẹp hơn những cái đã in rồi của Đời Nay và 80 Quan Thánh. Nhưng buổi chiều bờ đề vàng vọt. Tiếng sóng dưới chân bãi kia lời ca hấp hối thì thầm. Phát đạn nổ. Và Khải Hưng chết.

Nói như Khải Hưng đã ngã xuống trên một bờ đề về Thạch Lam đã lạnh im trên một giường bệnh: Trường Tập Hà Nội Dĩ Sử không ai thừa thăm quyền thực hiện nữa, bởi vì Thạch Lam mất rồi và không còn cánh tay tình yêu nào đủ chiều dài thả dụng tới những dây thơm một Hà nội cũ, vớt lên và làm bất tử trong văn chương và bằng văn chương một Hà nội đẹp.

Những trường lập không thành. Chỉ mới là những đoàn tập, những bước mờ, những chuyển mình, những đạo đầu. Đó cái hiện tượng xót xa nửa chừng nửa vời cái dứt đoạn bi thảm và phi lý của hơn một người viết văn đất Việt chúng ta.

Tôi muốn viết nhiều đến cái chết sớm vội quá chừng của Thạch Lam nhưng không được. Cái chết đã ở đâu đó, trên đầu ngón, trên trang giấy, trước mắt mình.

Hãy tạm nói như Nguyễn Tuấn về những cái chết của Trần Đăng và Nguyễn Huy Tưởng; đây là những tờ rời bản thảo vừa thỉnh linh bốc cháy. Tôi nghĩ Thạch Lam chỉ mới thực hiện được bằng nghệ thuật, một phần dọn đường rất cá nhân, cho riêng Thạch Lam: là tạo dựng và nuôi dưỡng cái đẹp của nghệ thuật cho tâm hồn mình thành một đạo sống. Không hiểu ở đâu, trong một truyện ngắn nào tôi nhớ và yêu mãi câu văn này của Thạch Lam «Chàng thấy mình bé quá và lại đi xa».

Thạch Lam đã đi xa. Và những ai yêu mến cái bút pháp chuốt lọc, trong sáng và chính xác nhất của văn xuôi tiền chiến ấy hẳn muốn nhận lấy câu văn này của Thạch Lam vào hồi tưởng, câu văn kết thúc một truyện ngắn tả một tình đầu như một loài bọ: «Mỗi mùa, nằng lại cái một bông hoàng lan lên mãi tốc đề tưởng nhớ mùi hương.»



HỒ ĐĂNG HẢI (Tổng y viên).— Chúc chóng bình phục. Rất cảm kích người nằm viết trong nhà thương, trên ghế bố. Bài vờ của Hải vẫn còn giữ, khi có thể là đăng.

HỒ NGẠC NGŨ (Tri thiện).— Văn nhớ. Cho hỏi Đặng Trần Tới, nhân gửi thêm thơ (ngắn). KH rap giăng có hơi một mội, vì ăn Tết kỹ quá, bây giờ đang nỗ lực nữa. Với lại, mỗi ngày phải một lạ mà. Thơ chọn cũng sẽ hay lắm.

NG ĐÌNH HỒNG.— Muốn liên lạc với anh Dương Nghiễm. Mạn cứ viết về KH, nhờ chuyển.

HOANG TRẦN (PleiKu).— Thơ bạn đang đọc, bạn có thể gửi thêm?

PHẠM ĐÌNH CHUÔNG DƯƠNG (Huế).— Ông là người duy nhất từ trước tới giờ cho chúng tôi hay rằng Khởi Hành rất ít đăng bài của người ngoài Quân Đội trong khi

một số anh em trong QĐ than phiền KH đăng bài của văn nghệ... dân sự nhiều quá, nếu theo dõi cuộc phỏng vấn các nhà thơ trong QĐ đăng liên tiếp trên KH gần đây hẳn ông cũng thấy chính những người làm văn nghệ trong QĐ từ chối phẩm từ thơ quân đội. Những chữ kèm theo chữ văn nghệ (như văn nghệ dân tộc, văn nghệ phản chiến...) chỉ là cách nói của người làm chính trị, hay của người cán bộ.

NGUYỄN TINH ĐÔNG (An Sơn).— Sẻ Đăng. KH là tuần báo, các chủ đề phân đông căn bản là thời sự, chuyện đang xảy ra. Làm tạp chí thì có thể nói tới những vấn đề lớn, và lâu dài hơn. Làm một bài thơ mất cả tuần lễ, sung sướng gì.

HÀ THỊ KỲ NAM (Quan Ngang).— Cái bút ký được lắm, sẽ đăng trên 1 tờ nhật báo. Truyện ngắn «K.Đ.V» được. Sẽ gặp ở Sài Gòn.

HUỲNH ANH THANG TÔNG (Ty Tiểu Học An Giang).— Rất tiếc là lúc đứng lo ngo thành phố đó anh lại không tới. Chắc không có dịp về miền Tây. Đã chuyển lời anh tới anh Dương Trữ La.

NGUYỄN PHAN (4100).— Chào bạn.

BÙI NGHI TRANG (Gò Công).— Đã nhận được. Chúc vui khỏe.

PHẠM CAO HOÀNG (Tuy Hòa).— Hy vọng ghé chơi ngoài đó một ngày gần.

BÙI ĐỨC CHÍNH (Q Ng).— Thơ vẫn còn giữ, sẽ có dịp đăng. Văn gặp anh Huỳnh Phan Anh thường được.

LÊ MIỀN VŨ.— Không có đề tài gì hết. Gì cũng được. Cứ viết thư thẳng cho anh Phạm Công Thiện, KH sẽ chuyển tới tay.

NHÂN TIN

LÊ VĂN TRUNG: Tôi đã về Tuy Hòa. Cậu vợ T.H. gặp với tôi. Mong lắm. Phạm Cao Hoàng, 104 Lê Thánh Tôn — Tuy Hòa.

KHÔNG ĐĂNG

Nguyễn thị Nh — Hoàng Minh Nh — Trần miêng K — Thanh Tứ L — Lê v Th — Vô L (RV) — Trần Hoài M — Hoài Tường Ph — Bùi Quốc Kh — Lê Hoa N — Lê Từ N — Trần Nhiên.

ĐANG ĐỌC

Phạm Quế Châu — Ngy Do Thái — Tố Lữ — Hoàng Uy Ý — Hồ đăng anh — Phạm Nguyên Hồ.

nguyên đình thi...

(tiếp theo trang 12)

Thêm nữa, qua tài nghệ của Thi, lý luận của Thi trong những tác phẩm đã sáng tác, nhất là quyển XUNG KÍCH, rồi những bài báo phê bình văn học, những tiểu luận, nhận định về văn hóa vô sản, chứng tỏ Thi quả là một cây viết sắc bén, đáng kính nể, có khai chiến với Thi, Thi cũng đủ sức quật lại, chưa biết emeo nào cần mui nào.

Do đó, suốt bao nhiêu năm trời qua, giữa Trần Độ và Nguyên đình Thi có một mâu thuẫn lớn nhưng vì những lý do kể trên, cả hai mặc nhiên ký thỏa ước ngầm: «Chúng mình kiêng mặt nhau, không thẳng nào đá động đến thẳng nào, chuyện thẳng nào thẳng nấy làm, giả vờ như không biết, không nghe, không thấy là xong».

Kể ra, đó là một bí mật mà Thi giấu kín, bồng chọc bật mí cho mọi người biết về chuyện xuất ngoại sang Nga. Có lẽ vì ức Nguyễn công Hoan làm lộ bí mật nên Hoan đã bị «lãnh đủ hậu quả khi cho xuất bản tác phẩm ĐÓNG RÁC CỎ tập I vào năm 1965. Thi thâm thậ. Và thù dai không ai bằng. Những anh cái văn nghệ miền Bắc hãy liệu cái thần hồn!

còn một kỷ